NĂM THỨ BA — Số 125 Thứ năm 30 Décembre 1943

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

Mục lục

* Phải chăng mấy câu tục-ngữ... ? — *Hoa-Bằng*
* Khảo về tiếng ta — *Nguyễn-văn-Tố*
* Tôn-giáo-ca Việt-nam — *của Hoàng-thiếu-Sơn*
* Về vấn-đề văn-học và sử-học trong cuốn kinh Hương-Sơn Quan-thế âm — *của Liên-Giang*
* Những ông nghè triều Lê (LXX) — *Ứng-Hòe*
* Đôi lời thêm về bà công-chúa An-Thường (Hết) — *Mãn-khánh Dương-Kỵ*
* Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết, XIII) — *Chu-Thiên*

Tòa báo: 95-97, Chanceaulme, Hanoi

Một năm **12$00** — 6 tháng **6$50** — 3 tháng **3$50** — Mỗi số **0$30**

Phải chăng mấy câu tục-ngữ ca-dao này là có liên-quan đến

người và việc trên trang Quốc-sử?

HOA-BẰNG

Như kỳ trước đã nói, đối với những câu phong-dao có tính-cách lịch-sử, ta cần phải thận-trọng lắm mới được, chứ không nên căn-cứ vào những sự như-yếu của cảm tình, của chủ-quan mà gán câu này cho sử thực này, câu kia cho nhân-vật lịch-sử kia.

Nay nhân tìm trong đống sách cũ, sử xưa, thấy có ít câu ca-dao tục ngữ mà các cụ nhà ta đã khẳng nhận vào thời-đại nào rồi, vậy xin đưa ra ánh sáng để chất-chính cùng các bậc thức-giả :

Trời mưa nước chảy sông Đoài,
ỏ trên đè lúa, cá trôi lềnh-lềnh !

Đó là hai câu trích trong cuốn *Trưng vương sự tích*, sách viết của trường Bác-cổ Hà-nội.

Nguyên bấy giờ Tô-Định nhà Hán sang làm thái-thú bên ta, quá đỗi tàn bạo tham nhũng ; dân ta phải sống khổ-sở trong cảnh lầm than. Bà Trưng Chắc, người rót lại từ một thế hệ mẫu quyền còn mạnh của dân Van-lang, đứng làm đại-biểu cho cai khuynh-hướng chống lại văn-hóa ngoại xâm, bèn cùng chồng là Thi Sách ngầm mưu việc khởi nghĩa.

Theo *Trưng-vương sự tích*, thì bà Trưng phái Thi-Sach về bản-quan là thành Chu-diên, chiêu mộ nghĩa binh, đắp thành, đào hào, thu dùng hào kiệt, định thừa thời nổi lên để đánh giết Tô-Định.

Còn bà và em là Trưng-Nhì thì đóng ở chỗ ngã ba sông Hát (1), xây thành lũy, mộ quân lính, bày trận để ứng chiến.

Công-việc vừa mới tiến được đến đấy thì Thi-Sách bị Tô-Định giết vì Thi-Sách sơ-suất trong khi đóng quân để đến nỗi Tô-Định đem binh đánh úp mà làm hại được.

Sau khi giết Thi-Sách rồi, Tô-Định đem quân trở về các phủ huyện Lạng-giang, Trường khánh, Vũ-ninh, v. v. : phá dân làng, đốt nhà cửa, thu hết của-cải, giở đủ mọi ngón độc ác tàn ngược đối với dân-chúng.

Chị em bà Trưng, khi ấy, — vẫn theo *Trưng-vương sự-tích* — mộ được 3 vạn quân, định ngày đuổi đánh Tô-Định.

Hay tin đó, Định thúc quân tiến công. Khi đi đến nửa đường, Định nghe thấy trẻ con hát hai câu như trên đã dẫn. Định cho là điềm lành, vì Định giải rằng : « Quân Nam như gió, nữ-binh như bèo ».

Để nghinh địch, bà Trưng chia quân làm đôi : một mặt bà đón đánh ở đằng trước, một mặt cho em là Trưng-Nhì đánh úp ở đằng sau.

Quả nhiên, khi giao chiến, Tô-Định một mình xông vào giữa hai mặt trận, bị hai bà họp sức đánh riết, Định, thế nguy quá, thua lớn, phải chạy... (2)

Đến đấy, bản *Trưng-vương sự tích* ấy chép : « Bấy giờ câu đồng-dao mới nghiệm: *Trời mưa nước chảy sông Đoài*, nghĩa là quân bà Trưng đóng ở Hát-môn, nơi sông thuộc về phía tây. *Cỏ trên đè lúa, cá trôi lềnh-đềnh*, là triết tự chữ *Tô*. Vì chữ *Tô*, *thảo* đầu, rồi đến *ngư* một bên, *hòa* một bên.

***

Cái cò lặn-lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng, nước mắt (hoặc tiếng khóc) nỉ-non...
Nàng về nuôi cái, nuôi con,
Để anh đi trẩy nước non Cao-bằng.

Theo Phạm Đình-Hổ (1768-1840) (3), tác-giả *Vũ trung tùy bút lục*, thì mấy câu đó là do chinh-phu đời Lê Trung-hưng làm ra. Tác-giả *V. T. T. B.* chép rằng : « Năm Hồng-đức thứ 21 (1490) định bản đồ trong nước, đặt bốn châu ở phủ Cao-bằng thuộc vào đạo Thái-nguyên. Đầu Lê trung-hưng (kể từ khi khôi phục được Thăng-long thì là năm Quang-thái thứ mười sáu, 1593, đời vua Lê Thế-Tông, 1573-1599), người Minh an sáp họ Mạc, cho cát cứ ở phủ Cao-bằng. Từ đó, trong vòng 47 năm, chiến-tranh không ngớt, nên mới có lời đồng-dao « *Gánh gạo...* » ấy. Mãi đến bản triều (triều-đại tác-giả đang ở, tức là triều Cảnh-hưng, 1740-1786), di tư sang Tàu, rồi đem quân dẹp yên, mới đặt Cao-bằng đứng riêng làm một trấn, bổ ông Võ-Sùng-Tiến (?) làm chức đốc-trấn.

Vậy, theo tác-giả *V. T. T. B.* thì thiên « *Con cò lặn-lội...* » kia là

sản-phẩm ở hồi Mạc Trịnh giao tranh, tiếng người chinh-phu từ-biệt gia-đình khi phải trảy lên Cao-bằng làm việc nghĩa vụ.

***

Loài chi mày : Thượng Thông,
Thượng Nhữ,
Những dơ tuồng tặc tử, gian thần.
Nào là lá trúc Đông-luân !
Nào thừng tiết-nghĩa phu-nhân kia là !...

Đó là mấy câu dưới cái đầu đề « Tục ngạn quốc-âm » phụ ở sau truyện *Bùi-công Thế-Vinh* của Tùng Niên chép trong *Tang thương ngẫu lục*, quyển trên, tờ 24.

Truyện ấy thế này :

Bùi Thế-Vinh là ngoại tổ bảy đời của Tùng-Niên Phạm Đình Hồ, đỗ tiến-sĩ khoảng niên hiệu Diên-thành (1578-1587, một trong mấy niên-hiệu của Mạc-Mậu-Hợp, 1562-1592), làm quan đến tự-khanh. Lúc nhà Mạc mất quyền thống-ngự, Bùi ở nhà. Rồi Bùi cùng với Đỗ Uông, tức Thượng Thông, ở làng Đoàn-tùng (4) và Nhữ-Tông, tức Thượng Nhữ, ở làng Nhữ-xá đều bị triều vua Lê trước (khoảng Lê mới trung-hưng) triệu ra làm quan. Bùi lấy con dao nhỏ bản bằng cái lá trúc rạch vào dưới đầu gối (5), rồi cáo bịnh không chịu ra.

Bấy giờ có bà Thường-quốc phu-nhân (?) cũng tự thắt cổ để tuẫn tiết. Người đời khen cả ông Bùi và bà Thường-quốc, nên mới có lời ngạn « *Nào thừng tiết-nghĩa phu-nhân...* »

Rồi tác-giả Tùng-Niên thêm mấy lời ở cuối truyện để thân oan cho cụ ngoại là ông Bùi Thế-Vinh đó : « Giữa đời Cảnh-hưng (1740-1786), sửa tập *Đăng khoa lục*, nói ông Bùi chưa quy-thuận (theo về với nhà Lê) thì chừng vì Sử-quan không khảo kỹ ».

Mấy câu « tục-ngạn » ấy tỏ ý mạt-sát hai ông Thượng Đỗ-Uông và Nhữ-Tông, là luồng dơ-dáy, theo gian-thần tặc tử, tức là nhà Mạc. Đáng khen thay ông Bùi Thế-Vinh ở làng Đông-luân biết cầm dao lá-trúc mà cứa vào dưới đầu gối và bà Thường-quốc dám lấy thừng mà tự ải để toàn danh tiết !

***

« Quân triều : quân Quốc-phó ;
« Quân Ó : quân Hoàng-tôn.»

Hai câu này xuất xứ ở *Đại Nam chính biên liệt truyện*, sơ tập quyển 30, tờ 2 b.

Từ năm tân mão (1771), để chống lại chính-sự bất lương của Quốc-phó Trương-Phúc-Loan, dưới triều chúa Định-vương (1765-1778) nhà Nguyễn, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, đứng làm đại biểu cho cái khuynh-hướng của nông-dân, nổi dậy từ Thượng-đạo ấp. Tây sơn với cái triêu-khí vô cùng hăng hái.

Định-vương bỏ Thuận-hóa chạy dài.

Tây-sơn truyền lịch đi khắp nơi tuyên-bố cái cớ phải đánh đổ Trương-Phúc-Loan và bày-tỏ việc đón lập Hoàng-tôn Dương làm chúa mới. Thế là giang sơn chúa Nguyễn bấy giờ bỗng chia hai phe : phe Quốc-phó Trương-Phúc-Loan đội cái « bung xung » bằng chúa Định-vương ; phe Tây-sơn đeo cái chiêu-bài bằng Hoàng-tôn Dương, khiến nhân dân không còn biết phe nào là triều, phe nào là giặc nữa. Người ta phải dùng mấy tiếng sau này để phân biệt quân của hai phe đó : một là « quân Quốc phó ; một là « quân Hoàng-tôn » (Tây sơn). Cho nên tục-ngữ mới có những câu như đã trưng dẫn ở trên đó. Tại sao kêu là « Quân Ó ? » Là vì Tây-sơn bấy giờ có cái khẩu hiệu riêng : hễ kéo đến đâu cũng hò-reo đến đấy. Kẻ hủ, người thưa, rầm rộ ầm ỹ, làm cho thanh-thế mạnh-mẽ như sóng vỗ bờ đê, gió khua hang núi. « Ó » nghĩa là « la-ó » (6).

(Xem tiếp trang 17)

---

(1) *Nay thuộc làng Hát môn, huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn tây.*

(2) *Trong bản* Sự-tích *này nói hai bà giết được Tô-Định.*

(3) *Tên tự là Tùng Niên, người làng Đan loan, huyện Đường-an, Hải dương.*

(4) Thông *là tên nôm làng Đoàn* Tùng. *Sau kiêng tên chúa Trịnh Tùng, đổi làm Đoàn lâm (theo* Hải dương phong vật chí, *mục* Nhân vật *truyện ông* Nguyễn-Phục).

(5) *Truyện này giống truyện ông Nguyễn Doãn Khâm trong* Hải-dương phong-vật chí : *Khâm, người làng Kiệt-đặc (Hải dương), đỗ hoàng-giáp khoa kỷ mùi đời Quang-bảo (1554-1561) nhà Mạc, làm quan đến đô đài, được phong Nghiêm sơn hầu. Nhà Mạc mất. Ông ở ẩn trong núi Huyền-đinh (ngàn Treo đanh). Lê Trung hưng, vời ông ra. Ông lấy búa đập nhoét đầu gối, cáo bịnh không chịu ra làm quan. Khi ở ẩn, ông có cùng ông Nguyễn Phong, người đồng hương, chơi núi Bảo-đức. Cao hứng trong lúc đăng lâm, ông Khâm có ngâm rằng : « Coi ta, ta mở thiên-hoang đã, nữa nữa con em nối gót theo. »*

(6) *Tài-liệu đoạn này rút ở trang 23 và 31 trong cuốn « QUANG-TRUNG » của tác giả đương in.*

KHẢO VỀ TIẾNG TA

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Trà-ngân Lê-ngọc-Vượng mới ra một quyển *Khảo cứu về tiếng Việt-nam*, do nhà xuất bản Cộng-lực in trong bộ « Khảo-cứu tùng-thư ». Sách dày 230 trang 12×19, chia ra làm bốn phần : phần thứ nhất nói về « những nguyên-tắc chung : cơ-bản của cách nói », phần thứ hai kể những « phẩm-loại của tiếng nói », phần thứ ba « lược khảo về từ-chương », phần thứ tư đề là « Van-học tạp-luận » : « văn cũ người xưa » và « dịch tiếng nước ngoài ra Việt-ngữ ».

Tác giả nói nhiều câu rất là chính đáng, như câu : « Còn gì khổ tâm cho bằng xem một đoạn văn nước nhà, người Việt-Nam phải dùng những hai cuốn tự-vị ngoại-quốc : một Pháp-Việt, một Hán-Việt ! Vậy thì cớ gì ta lại không muốn cho văn-học nước mình có hẳn một tính cách của nước, là tính-cách Việt-Nam ? » (trang V). Bản như thế thật là hợp lẽ, nhưng đôi khi tác-giả cũng viết theo lối tây, như chữ « hội-ý » mà tác-giả cắt nghĩa « là sự mà một hình-ảnh gây ra cho trí-não những hình-ảnh khác có liên-lạc với nó hoặc trực-tiếp hoặc gián-tiếp » (trang 19-20), thì dễ thường chỉ những người có tây-học với nho-học mới hiểu nổi.

Trang VI, ông Trà-ngân nói « lối quốc-vận trước là chữ nôm của Nguyễn-Thuyên » ; đến trang 21 ông cũng nói như thế : ông cho chữ nôm có từ nhà Trần, do Nguyễn-Thuyên phỏng theo chữ Hán mà phác ra ». Chính thực, chữ nôm có đã lâu : không phải viện-dẫn đến tục-truyền (vì có khi tục-truyền không được chắc-chắn) cứ lấy ngay những pho sử chữ nho ra xem, thấy năm 791 chép chữ « *Bố-cái* đại-vương » là tên hiệu — nửa nôm nửa chữ — của người Nam đời bấy giờ tặng ông Phùng Hưng là người đã đuổi được quân nhà Đường ra khỏi phủ đô-hộ (muốn biết rõ truyện, xin xem *Tri tân*, số 83 và 85, trang 6). Bộ *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 5, tờ 4 b) và bộ *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục* (quyển 7, tờ 26 a) chỉ chép thơ quốc-âm (gọi là Hán-luật) bắt đầu từ Hàn-Thuyên, năm 1282, chứ không chép chữ nôm bắt đầu từ Hàn-Thuyên (tức Nguyễn-Thuyên).

Trang 22, có đoạn nói : « Đến khi người phương Tây tới nước Việt-Nam thấy chữ nôm lắt-léo và khó học, bèn nghĩ ra cách mượn chữ La-tinh chắp lại thành vần theo thổ-âm. Mục-đích của họ là cho dễ bề học tiếng Việt-Nam, ngõ hầu chóng bước thẳng tới chí-nguyện. Công việc đó đều do các cố đạo Pháp và Tây-ban-nha thực-hành. Họ làm ra một cuốn sách bằng chữ La-tinh và Việt-Nam cho người mình, và một cuốn tự-vị Việt-La-*Bồ* cho họ ». Tôi cho in chữ *Bồ* bằng lối chữ nghiêng để độc-giả chú ý đến, vì đề tác-giả chữa chữ « Tây-ban-nha » ở trên kia làm chữ « Bồ-đào-nha » : lối diễn âm của ta bằng chữ tây phương là lối chữ Bồ-đào-nha của mấy ông cố-đạo Bồ-đào-nha đặt ra trước tiên. Ông Alexandre de Rhodes (dịch là A-lịch-sơn Đắc-lộ) sưu-tập lại trong một quyển « tự-vị Việt-Nam *Bồ-đào-nha* La-tinh » (*Dictionarium annnamiticum, lusitanum, et latinum*) in ở La-mã năm 1651. Ông có làm một quyển sách nữa bằng quốc-ngữ với la-tinh, cũng in ở La-mã khoảng năm 1651, đề là *Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội mà vào đạo thánh đức Chúa blời* (nhà in không có chữ quốc-ngữ cồ, nên tối chép tên sách này không được đúng hẳn với lối chữ của tác-giả). Xét hai quyển sách này, thì rõ-ràng lối viết chữ quốc-ngữ là lối Bồ-đào-nha, chứ không phải Tây-ban-nha. Chính trong bài tựa quyển tự-vị Việt-Bồ-La, ông Alexandre de Rhodes cũng nói rằng ông nhờ được những tài-liệu của hai ông cố-đạo Bồ-đào-nha, là Gasparis de Amaral và Antony Barbosae : ông chỉ thu-thập đính-chính, nhưng ông cũng có công to, là sắp-đặt có qui-củ và đem in ra trước tiên. Mãi đến khi ông Pierre Pigneau de Béhaine (dịch tất là Bá-đa-lộc) sang nước ta, mới dọn lại thành thứ chữ quốc-ngữ hiện dùng bây giờ. Ông Bá-đa-lộc cũng làm ra một quyển tự-vị Việt-Nam La-tinh ; đương sinh-thời, ông không cho in, mãi đến năm 1838 ông A. J. L. Taberd mới đem ra xuất-bản, đề là *Nam Việt dương hiệp tự vị, Dictionarium anamiticolatinum*, primus inceptum ab illustrissimo et reverendissimo P. J. Pigneaux.

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ THÂN YÊU

Trong tuần lễ vừa qua, sau mấy cuộc nèm bom của các máy bay Hoa Mỹ, tình thế thành phố Hanoi trở nên nghiêm trọng.

Hết thầy các anh em nhà in Tri-Tân đều phải bảo vệ gia quyến đi lánh nạn. Vì vậy tạp chí Tri-Tân phải tạm nghỉ mất hai kỳ, thật là một việc rất đáng tiếc, xin độc giả thể tình mà thứ cho.

Đứng trước tình thế gay go của thời cuộc, đồng nhân Tri-Tân chúng tôi bao giờ cũng cố gắng mà nỗ lực phấn đấu với các sự trở ngại để đáp lại mối thịnh tình của các bạn xa gần từ trước tới nay.

TRI TÂN tạp chí

Trang 25, ông Trà-ngân nói tên tỉnh Bà-rịa, trong Nam kỳ, nguyên là chữ Cao-mên « Baréaga » mà ra : thế thì có lẽ nhầm, vì quyển *Monographie de la province de Bà-rịa* chép chữ Bà Rịa là tên một người đàn-bà mở ấp Phước-hiệu, thuộc tỉnh Bà-rịa, vào cuối thế-kỷ thứ 18, hiện có đền thờ ở Phước-hiệu và Núi Cô : xét ra chữ Baréaga là chữ của người Cao-mên dịch-âm chữ « Bà Rịa » của ta, chứ không phải ta dịch theo chữ Baréaga của người Cao-mên vì người Cao-mên gọi bà là « néak srei » hoặc « néang » (tiếng ta là nàng), chứ không gọi là « Ba ».— Tên tỉnh Mỹ tho (ông Trà-ngân viết nhầm là Mỹ-thọ) mới là tên Cao mên dịch ra quốc-âm : nguyên chữ Cao mên là Mì-sắr (đọc là Mì-sôr), nghĩa là người con gái trắng, ta dịch là Mỹ-tho, thành « một thứ cỏ đẹp ». — Tên tỉnh Sốc trăng cũng dịch âm theo chữ Cao-mên : quyển *Monographie de la province de Sốc-trăng* chép là chữ Srok Khléang. Srok là làng hoặc xứ : trong Nam-kỳ có tiếng « sốc », dịch âm chữ srok, nghĩa là làng xóm, thí-dụ « đi sốc », « sốc mên », « sốc sách ». Khléang là kho tàng. Ông Trà ngân nói chữ Sốc-trăng nguyên ở chữ Srok Tréang mà ra : thoạt nghe thì thuận lắm ; chỉ vì không đúng với quyển địa-dư trên kia ; vả lại ở tỉnh Takeo, xứ Cao-mên, có hạt Srok Tréang (gồm 16 làng, 11,931 người đóng thuế, xem *Annuaire administratif de l'Indochine*, 1939-1940, trang 460), thì có lẽ bọ không đặt trùng nhau như thế.— Tên tỉnh Trà vinh, trước là Trà vang, ở chữ Cao mên « Prăc Prâbăng » (ao Phật) mà ra (*Monographie de la province de Trà-vinh*). Ông Trà-ngân nói là ở chữ Préa Trapéang, kể cũng có lý, vì Préa là Phật, trapéang là vũng ao, nhưng không đúng âm bằng chữ Prăc Prâbăng (viết là Préah Prâbăng cũng được).

Trang 26, ông Trà-ngân nói chữ lịch-sự « theo nghĩa tiếng Việt là giao-thiệp khôn khéo » : có lẽ nhầm, vì ta có câu « ăn mặc lịch-sự », « nói-năng lịch sự », « chẳng gì tươi-tốt bằng vàng, chẳng gì lịch sự nỏ nang bằng tiền » ; thế thì chỉ có nghĩa là khéo, là đẹp, là nhã nhặn, chứ không có nghĩa là « giao-thiệp ». — Ông cắt nghĩa

(*Xem tiếp trang 8*)

Khái-luận và phê-bình thi-ca cũ

Tôn-giáo-ca Việt-nam

Ba nguồn ảnh-hưởng tôn-giáo chi-phối văn học Việt-nam — « Quan-Âm Thị-Kính truyện », thiên tôn-ca Ấn-độ bị Việt-nam-hóa — Những trang « âm khí nặng-nề » như những địa-ngục của Dante — « Văn tế thập loại chúng sinh » hay là Nguyễn-Du với Villon — « Bích-câu kỳ-ngộ », bài ca của Đạo-giáo — Khổng-giáo và các thiên « luân-lý ca », quốc-hồn, quốc-túy của người Việt

của HOÀNG-THIẾU-SƠN

Ngoài lối anh hùng ca trên nầy, dung để lưu-danh những vị anh hùng xuất chúng, lưu truyền những sự-nghiệp hiển hách có thể làm vẻ-vang cho một giống nòi, Âu-châu còn lối ca-hùng tráng để ca-tụng tôn giáo (épopées religieuses). Lối nầy định-luật cũng giống như lối kia chỉ khác một điều là phụng sự một lòng tín ngưỡng chớ không phải một tinh-thần quốc-gia(1).

Thi-ca của ta từ xưa đến nay, song-song chịu ba dòng ảnh hưởng của ba tôn-giáo, ba triết-lý đã cùng nhau chi-phối cả xã hội Á-đông: ảnh hưởng của Khổng-giáo, Đạo-giáo và Phật-giáo.

Khổng-giáo thiết thực, tích-cực, không huyền-bí, không có thần-thoại nên không đem đến cho văn thơ Việt-nam một thiên anh-hùng ca nào cả. Trái lại Phật-giáo đã ghi dấu-vết trong thi-ca Việt-nam bằng mấy thiên tôn-giáo-ca có giá-trị: *Quan-Âm Thị-Kính truyện* và *Quan-Thế-Âm truyện*.

Quan-Âm Thị-Kính truyện, thuật lại cuộc đời từ-bi bác ái của Thị-Kính đã tán-dương và truyền-bá tinh-thần vị tha sâu xa của Phật-giáo. Tuy không có cái đẹp lung-linh lộng lẫy của các thiên tôn-giáo ca Âu-tây, thiếu cái rực-rỡ của thiên *Messiade*, thiếu cái khí vị thơ man mác của *Paradis Perdu*, thiếu lòng tín ngưỡng thành-thiết của Homère trong *Iliade*, *Quan-Âm Thị-Kính* đã cảm-hóa ta với sự thật lâm ly của cốt truyện, với những sự hy-sinh lặng lẽ không trống, không kèn, với nỗi oan-khuất không kêu gào, không oán-hận, với lòng thương nhân loại thiết tha, với cả lòng nhớ gia-đình quyến-luyến.

Vì Quan-Âm tuy đã thoát tục nhưng còn nặng lòng trần. Nhập-cảng từ Ấn-độ sang, thiên tôn-giáo-ca nầy đã bị Việt-nam-hóa đi rất nhiều. Tôi tưởng dưới bầu trời Ấn-độ; dưới bầu trời thần-bí của Ấn-độ, mùi thuyền có một khí vị thanh-thoát, siêu-nhiên hơn kia. Nhưng cũng vì thế, nó sẽ mất rất nhiều mãnh-lực cảm-xúc lòng người trần như chúng ta.

Qua những thiên anh-hùng ca, tôn-giáo ca của dân-tộc Ấn, người đọc phải choáng váng vì « *những ý-tưởng trào ra như thác nước mạnh, dưới những hình-ảnh đầy thi-vị, rực rỡ như những ráng trời bảy sắc* » (2). Đó là lời phê-bình của Abel Bonnard và Bonnard đã bảo rằng người Tàu thiếu hẳn hơi văn mạnh-mẽ, tràn-trề là sở trường của người Ấn (3).

Không phải người Tàu — và cả người Việt cũng thế — không thể có những cơn rung-động mãnh-liệt như những kẻ láng-giềng của họ, nhưng tâm hồn của họ được Nho-giáo rèn luyện, đã trở nên bình-thản; với tâm-hồn bình-thản ấy họ đón tiếp phong-trào Phật-giáo và điều-hòa đạo Phật theo khuôn-khổ yên-lặng của xã-hội nầy.

***

Tuy thế, đó đây cái tráng khí của ảnh-hưởng Ấn-độ cũng còn rơi rớt lại trong thi ca Việt-nam. Nó rớt lại rất nhiều trong truyện *Quan-Thế-Âm*, nhất là trong đoạn văn ly-kỳ, lạ lùng ấy tả lúc Chúa Ba xuống chơi địa phủ, vào thăm chốn ngục-đường của Âm cung.

Này là vạc dầu, hồ huyết, bàn chông, bàn vả, triết-kiều, hỏa xa, nọ là thuồng-luồng, rắn rết, chó đồng, rắn sắt, hổ lang, ưng khuyển, kìa là quỉ binh :

« *Quỉ đứng vả miệng, quỉ ngồi bẻ răng...* »

Thật : « *trông vào chốn ngục đường* :

« *Gió tanh hơi thấu đến xương lạnh-lùng.* »

Không ngờ trong thi-ca bình tĩnh của người Việt lại có một trang « *âm khí nặng nề* » như những địa-ngục của Dante !

Đoạn văn nầy theo thể lục-bát là lối văn ẻo lả, nhưng tác giả đã ngắt hơi (césure) rất nhiều, cho nên lời thơ gắt gao, câu thơ gấp-gấp, khi rền rỉ, khi rít lên rất xứng-đáng một điệu ca bi-tráng.

***

Ảnh-hưởng Phật-giáo lại còn cho chúng tá một của báu vô song nữa là *Văn-tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn-Du. Bài nầy lời thơ thật là lâm-ly; hơi văn vừa dài vừa cao, như vẽ ra một bức tranh vĩ đại đầy cô hồn, đầy xương-khô, đầy máu tươi, đầy ma trơi. Nhưng không phải Nguyễn Du đã vạch nên bức tranh rùng-rợn ấy để đắm say vào đấy như Edgar Poë, để thỏa mãn một sở thích riêng, Nguyễn Du đầy một lòng thương tràn-trề đối với

« *Đoàn vô tự, lạc loài eo-óc.* »

Cũng như Villon, Nguyễn Du cảm thấy nỗi thống khổ của những « *Hồn mồ côi lần lữa đêm đen* » của những hồn « *không hương, không khói* » đã đến cửa « *đức Phật từ bi* » « *nhờ bát cháo lá đa.* »

Cũng như Villon, Nguyễn Du lại thấy cả cái phù phiếm của mọi sự ở đời. Phú-quý, tài ba, nhan sắc, ái tình, chẳng qua là tình, là ảnh cả.

Cảm thấy cái phù-du của cuộc thế, đau xót vì những nỗi thống-khổ của nhân-loại, Nguyễn Du đã hiểu thấu cả tinh-thần Phật-giáo rồi vậy.

Cho hay những hùng tráng ca của người Đông Á bao giờ cũng bao-hàm ít nhiều triết-lý. Chúng ta gần Victor Hugo hơn Homère.

***

Cũng như Phật-giáo, Đạo-giáo đã đem lại cho thơ Việt một thiên tôn-giáo ca có một vẻ đẹp khác thường là thiên *Bích-câu kỳ ngộ*.

Lời thơ đượm một vẻ thanh-thoát, bình yên lạ thường nhất là trong các đoạn tả cảnh.

Nàng tiên giáng trần để đưa tình nhân về tiên-giới làm cho ta liên-tưởng đến nàng Béatrice trong hai thiên tôn giáo ca tuyệt tác của Dante, *Vita Nuova* và *Divina Commœdia*, nàng Béatrice mà thi thánh Ý-đại-lợi đã yêu qua một hình ảnh, yêu qua một tinh thần, yêu như Platon dạy người ta yêu ngày trước, nàng Béatrice sau thành « *tiên* » đã giải thoát cho thi sĩ để cùng nhau sống như một đôi « *hạc nội* » giữa đám mây ngàn, ngoài vòng trần-thế, xa mùi tục-lụy. (4

(*Xem tiếp trang 21*)

---

1) Những thiên « Parad's Perdu » của thi sĩ Anh Milton, « Messiade » của thi sĩ Đức Klopstock, « Divine Comédie » của thi sĩ Ý Dante, « Jérusalem délivrée » của thi sĩ Ý Le Tasse đều là những tôn-giáo ca (épopée religieuse) tán dương Thiên-chúa giáo Thiên « Bhagavad gita » là tôn giáo ca của Ấn-độ.

2) « Des cataractes de pensées s'y déversent sous des arcs-en ciel de poésie ».

3) On ne trouve, dans les premiers textes chinois, rien de pareil à ce bouillonnement grandiose ...»

« Les poètes chinois n'ont rien d'épique, même rien d'amplement ou de longuement narratif, et peu d passion profonde,.. »

Abel Bonnard do ông Cordier trích trong sách « Morceaux Choisis d'Auteurs Annamites.

(4) « Vita Nuova » hay là « Cuộc đời mới » là một quyển tiểu-thuyết vừa bằng thơ vừa bằng tản văn thuật cuộc tình ái của thi sĩ Dante Alighieri (1265 1321) với nàng Béatrice Năm lên chín, thi nhân gặp Béatrice cùng tuổi với mình và đem lòng yêu tha thiết. Sau Béatrice chết, Dante hai ba phen phụ nàng, cuối cùng nhờ tình yêu cũ thiêng liêng, nhờ mãi nhớ đến người đã khuất, thi nhân cứu-vớt được linh-hồn khỏi sa ngã Béatrice trước là một người thật, sau dưới ngòi bút thi-nhân dần trở nên một kẻ vô hình, xuất thế, nàng tiên đưa hồn Dante ra ngoài vòng trần thế về nơi cực lạc

Trong thiên « Divine Comédie », Dante thuật lại hồm thứ sáu 8 avril 1300, trong một khu rừng vắng, thi nhân tránh khỏi nanh vuốt ba con mãnh-thú, nhờ Beatrice phái thi thánh La-tinh Virgile cứu thoát. Virgile lại đưa Dante đi xem chín nơi Địa phủ đi sâu vào lòng địa cầu như hình cái non, càng xuống sâu càng hẹp lại, chín nơi Rửa tội đi càng lên càng cao như qua núi đỉnh chẵn trời Sau cùng chính Béatrice đưa Dante đi xem chín lần Thiên-đường

Thiên tôn giáo-ca nầy ngụ ý : người trần phải khổ công mà luyện tinh thần mới tránh được tội-ác và nhờ lý trí và khoa học thần bí thiêng liêng mới lên được chốn cực-lạc

Khảo về tiếng ta

(*Tiếp theo trang 5*)

chữ « tử-tế theo tiếng Việt là chu-đáo, kỹ-càng », thế thì thiếu nghĩa « tốt với hay », nhưng câu ăn ở cho tử-tế, người tử-tế đi đâu cũng được quí trọng. — Ông nói chữ « tha-thiết theo nghĩa tiếng Việt là nồng nàn, năn-nỉ », cũng thiếu; vì câu « tha-thiết sự đời » hay « than khóc thiết-tha », phải cắt nghĩa là thương tiếc xót-xa, chứ không cắt nghĩa là « nồng-nàn, năn-nỉ ».

Trang 32, có câu : « Không nên lầm những tiếng đồng họ với những tiếng địa-phương, mặc dầu đọc hơi giống nhau. Ví-dụ :... mướn-mượn ». Hai tiếng này không phải là « tiếng địa-phương », vì lầm khi dùng khác hẳn nhau. Tiếng mượn có nghĩa là dùng tạm rồi phải trả lại, như mượn sách để học ; lại có nghĩa nữa là nhờ, như mượn tiếng, mượn tay người viết thạo, « Mượn màu son phấn đánh lừa con đen » (*Kim Vân Kiều*). Tiếng mướn không dùng vào những nghĩa ấy, chỉ dùng vào nghĩa thuê mượn, tức là chỉ giống với tiếng mượn về nghĩa thuê : thí-dụ mướn người làm, mượn thợ khéo ; nhưng nói lầm mướn, không ai nói làm mượn ; đến nghĩa bóng, lại dùng chữ mượn, chứ không dùng chữ mướn, thí-dụ như câu « Ngày mượn thú tiêu-dao cửa Phật » trong *Cung oán*. Về thi ca, thường không lẫn được, như trong *Kiều* có câu « Mượn thuê, viết mướn, kiếm ăn lần hồi » và câu « Mượn điều trúc viện thừa lương » ; ca-dao có câu : « Đừng chê thiếp vụng thiếp về, Có tiền thiếp cũng biết thuê mướn người ».

Trang 36, ông Trà-ngân viết một câu như thế này : « Có thể nói rằng viết theo tập-quán, không có văn-pháp. Là vì văn-pháp không nói tới », rồi ông « ví-dụ chữ trời sao lại viết *tr* mà không viết *ch* ? » — Tại chữ trời ở chữ « blời » mà ra : chữ blời là chữ cổ, hiện còn in trên bìa quyển *Phép giảng* của ông Alexandre de Rhodes dẫn trên kia ; về sau chữ « Chúa blời » thành chữ Chúa lời, hoặc Chúa trời. Phần nhiều những tiếng của ta ngày xưa mà ông Alexandre de Rhodes viết bằng chữ *bl* ở đầu chữ, thì nay viết là chữ *tr* : thí-dụ « blở đi blở lại » (*Dict. ann.*, cột 44) nay là trở đi trở lại ; « blót ngày » (cột 45) nay là trót ngày ; « nói blót mlời » (cột 45) nay là nói trót lời (tức hết lời), v. v. Xem như thế, thì lối viết chữ *tr* là theo lối đọc của số đông, và theo cổi-rễ từng chữ, chứ không phải theo thói quen : người Pháp gọi là phép viết theo ngữ-nguyên (étymologisme).

Trang 38, ông Trà-ngân lại nói : « Tiếng Việt-Nam có mấy chữ *d*, *gi*, *ch*, *tr*, *r*, rất còn phiền-phức, vì chưa phân-biệt được cách viết thế nào là đúng. Nhưng những chữ ấy sẽ có một luật-định riêng. Ấy là cách thông-dụng. Ví dụ . . . trăn « : một loài rắn lớn... ». — Ở đây, cũng phải xét xem gốc ở đâu : quyển tự-vị Việt-Nam của ông Alexandre de Rhodes (xuất-bản năm 1651) viết là « con tlan » (cột 803) ; quyển tự-vị Cao-mên của ông S. Tandart chép là « pôs thlan » : thế là ngày xưa người Nam với người Mên đều gọi là tlan hoặc thlan ; chỉ khác là nay người Nam viết là trăn, mà người Mên vẫn gọi là « pôs thlan ». Bao nhiêu những chữ *tl* ở lối quốc-ngữ của ông Alexandre de Rhodes, ngày nay viết là *tr* : « tlán » (cột 804) nay là trán, « thàng hột » (cột 804) nay là tràng hạt, « tlánh » (cột 805) nay là tránh, hoặc lánh, v.v.

Vậy có thể nói rút lại rằng những chữ mà ngày nay viết ra quốc-ngữ bằng chữ *tr*, đều là có duyên-cớ cả. Cớ thứ nhất là số đông người mình đọc rõ chữ *tr* như những người ở vùng Thái-bình thường nói rõ chữ « quả trứng », không như phần đông người ở thành-thị. Lại một lẽ nữa là có nhiều tiếng mượn của chữ nước ngoài, như tên « con trăn »

ĐÃ CÓ BÁN :

Un Poète humaniste Annamite (Một nhà thơ cổ điển việt-nam) bằng pháp-văn của cụ Thượng Phạm Quỳnh nói về thơ văn của thi-sĩ Phan Mạnh Danh. Có kèm theo bản dịch ra quốc-văn của ông Hàn-Thu Nguyễn Tiến Lãng và nhiều bài khác. Giá : 2 $ 00

Một quyển sách hoàn toàn thơ cả về hình thức lẫn tinh thần :

HỒNG KIỀU

của Phan-Mạnh-Danh

tác giả Thi Văn-Tập (còn rất ít) và Bút-Hoa (hết), quyển sách đã được đức Bảo-Đại ngự khen. Giá : 1 $ 50

Phan-Phong Linh, 7 Rue du Marché de Nông-Tĩnh, Nam-định xuất bản.

bắt-chước ở chữ «thlan» của người Mên cho nên về thời ông Alexandre de Rhodes viết là «con tlan»; không phải là ông không có vần *tr*· tự-vị của ông có đủ vần và có cả những chữ như «giả trá, nói dối» (cột 828), «một trận gió» (cột 830), «Tràng an, kẻ chợ» (cột 831), v v. Ngày xưa, những chữ *l* viết sau chữ *t*, thì ngày nay viết là *r*, như chữ «ở tlên blời» *Dict. ann.*, cột 809) nay là «ở trên trời», v. v.: thế là viết theo lối đọc ngày xưa, và cả ngày nay nữa.

Xét 40 trang trên, cũng đủ biết rằng quyển sách của ông Trà-ngân cần phải sửa lại cho kỹ, thì mới có ích cho người đọc. Hiện giờ, chưa có thể gọi là sách «khảo-cứu» được, vì ông không dẫn chứng mà cũng không bàn đến những thuyết của các nhà làm sách về tiếng nước ta (L. Cadière, Henri Maspero, J. Przyluski, v. v.).

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

TÙY HỨNG

Đồ sương trên hè

(Kính tặng Giản Chi)

Dặm trắng mùa đan mộng cỏ về
Lòng thanh dạo nhẹ, vạn song lẻ
Hương hoa tuổi đợi mùi lơ lửng
Phấn bướm ngày mong ánh lập-lòe
Bước bước vu vơ khô lệ đẳng
Dừng dừng thơ thần úa sương the
Phong niêm niềm lạnh trong yên lặng
Nghe xuống mù sa trắng khắp hè.

HUY-BINH
21 - 9 - 43
(họa lại bài thơ «Đêm hè» của thi-sĩ trong số báo III)

Vườn Bách thảo

Bát ngát rừng cây bóng rợp la,
Đua tươi màu sắc đủ trăm hoa.
Quanh vườn, thú cũi khoe nanh vuốt,
Bên lối, chim lồng riu-rít ca.

VÂN-THẠCH

Đã có bán:

CÔ THÚY
Giải thưởng văn-chương Tự-Lực Văn-Đoàn năm 1935 của Ng.-khắc-Mẫn Giá 3$20

HỒN QUÊ
của Ng.-khắc-Mẫn Giá4$50
Sách in lần thứ nhất dày hơn 400 trang — Bìa bằng giấy Vóc Phượng-Hoàng do họa-sĩ Bình trình bày

Bà Chúa rừng mai trắng
Truyện Giải Trí của Việt-Tinh Giá 1$30

Nhà xuất-bản SÁNG
46 Quai Clémenceau, Hanoi

XUÂN PHỤNG VĂN TẬP

Do Kiều Thanh Quế và Nguơn Long chủ trương. Với những món quà văn chương đầy hương sắc trong dịp gió Tết thổi xuân về...

Cặp bất tử: Diệu Anh, Xuân Sanh — Phan Khôi đa tình — Thơ Đa Đa hay thơ Lập Tuồ? — Nhạc trong thơ — Câu đối của Đông Hồ — Ngày mai của Phan trần Chúc và của các nghệ sĩ Việt Nam — Lê Tuọ Xuân vô xuân — Vũ ngọc Phan với sự nhận xét của người đời, của thế hệ và của thời gian — Cái tát của Nguyễn công Hoan — Theo giọng của Thạch Lam — Óc khoa học giả dối của Trương Tửu: Nguyễn Du và truyện Kiều — Lê đại Hành hữu công hay đắc tội — Xuân du phương thảo địa — Đón gió xuân — Ngọc Hào vương phi (lịch sử tiểu thuyết)

Khổ lớn — Bìa nhiều màu — Giá 2$20
Mua buôn C R. gởi về 303-304 Pétrus Ký Cholon

Về vấn-đề văn-học và sử-học trong cuốn kinh Hương-sơn Quan-Thế âm

của LIÊN GIANG

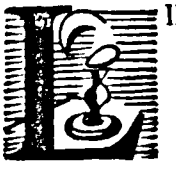

IỀN trong hai số Tri-Tân 121 và 122 ngày 18 và 25 Novembre 1943, bạn Hoa-Bằng có nói đến cuốn kinh Bà chúa Ba, ta thường gọi là Hương Sơn Quan Thế âm chân kinh. Bạn Hoa-Bằng có ý bác thuyết hoài nghi những nhân vật trong cuốn kinh đó là ẩn danh của những nhân vật thời-đại chúa Trịnh đời Lê trung-hưng.

Cứ như chỗ tôi biết, thì cuốn kinh đó hoàn toàn dịch ở kinh Trung quốc ra cả. Trung quốc có nhiều bản kinh về sự tích chúa Ba. Bản nôm của ta, ta thường gọi là « Kinh Quan âm Phật bà » van vần nôm na thiền cận, vốn là một cuốn Kinh phát hành ở chùa Hương Tích đã từ lâu lắm, còn cuốn « Hương Sơn quan thế âm tân dịch » của cụ Giá Sơn Kiều oánh Mậu, thì phát hành mới trong vòng trên dưới bốn mươi năm nay.

Xét ra hai bản kinh dịch ra nôm này đều dịch theo hai bản kinh hán tự khác nhau. Chứng cớ tôi sẽ nói ở dưới này.

Hiện tôi còn giữ được một bản kinh chữ hán, mục đề là: Quan Âm-tế độ bản nguyện chân kinh. Bản này là bản khắc lại vào năm Quang Tự thứ 12 ,Bính-tuất (1886) của nhà Duy Thành Đường. Có ghi chữ « bản tàng Hà-nội tỉnh,.Ngọc Sơn tam-thánh miếu ». Ngay trang đầu, ở bên phải, cạnh giòng chữ to đề tên kinh, có in 8 chữ: « Hàm-Phong cửu niên, tân thuyên nguyên bản ». Ra năm thứ 9 Hàm phong (1859), đã theo nguyên bản khắc lại một lần rồi. Bản đề ở miếu ngọc Sơn là bản khắc thứ ba.

Duy Thành đường chắc là một nhà từ thiện Trung quốc ở sứ ta, đứng lên lạc quyên các nhà mộ đạo trong hàng bang rồi thuê khắc lại bản kinh Quan Âm. Chứng ở trang cuối cuốn kinh có đề phương danh những nhà lạc quyên ấy.

Pho kinh có hai cuốn: thượng và hạ. Tất cả có 127 tờ. Đầu có bài tựa của Quan-Âm, đề vào ngày rằm tháng sáu năm Bính-thân niên hiệu Vĩnh-lạc (1416) đại khái nói rằng: thánh kinh hiền truyện, thiên hạ đã có nhiều, nhưng thường lắm ý nghĩa sâu xa, người phàm khó hiểu. Chi bằng hiện thân thuyết pháp, ngài đem truyện ngài kể một lối dẫn dị cho quần chúng nghe, thì thấm thía rộng rãi, có nhiều lợi lạc. Thứ hai đến bài đề-tán của Đạt Ma tổ-sư. Thứ ba đến bài đề-tán của Đức Lã-Tổ. Thứ tư đến bài tựa của Quảng giã Sơn nhân làm vào sau ngày đông chí năm bính-ngọ niên hiệu Khang-hi (1667). Trong bài tựa này, Sơn nhân nói khi Sơn nhân đi hành hương ở chùa phổ-đà (1), thuyền đi sắp tới bến, chợt có cơn gió to sóng cả, bị dạt vào một bờ bể, Sơn nhân tản bộ lên bờ, đến một hang đá, trong có một am, gặp một đạo đồng đón mời. Trong khi đàm đạo, y có đưa cho Sơn nhân cuốn kinh này. Kinh vốn toàn chữ phạn, Sơn nhân đem về dịch ra chữ hán, khắc in ra đời. Thứ năm đến phép đọc kinh. Tất cả 16 phép đọc. Rồi vào đến chính truyện. Truyện có 12 chương, tức là chân kinh Cuối cuốn có một bài bạt của Đông-Dương chủ-nhân, đại ý nói: Kinh này nguyên bản của Đức Quan Âm Cổ Phật soạn ra, lời văn rõ ràng, khéo khuyên răn điều thiện ác, khuyến cho kẻ trí, ngu đều thích nghe, y được kinh này ở nơi phương-trượng chùa Phổ Đà, có hỏi sư trụ-trì trưởng lão ở đấy thì biết rằng nguyên kinh văn tìm được ở trong hang đá, đem ra khắc in nhiều đời, nên nhầm sai lắm lắm. Sau nhờ có Quảng-Dã lão nhân, vốn giữ được bản chân kinh, tham đính sửa chữa, mới lại hoàn được nguyên bản này.

Trong chính-truyện, ở chương đầu, có kể rõ nước Hưng-lâm ở xứ Tây-vực, phía đông giáp nước Phật-Tề (?), phía tây nước Thiên chân (?) phía nam đến nước Tiêm-la. Vua nước ấy giòng họ Bà-gia, hiệu là Diệu Trang Vương. Vợ vua họ Bá Nha. Chứng ở những câu này:

Dá vạn quốc tứ bộ châu, cha nhất khán tận.
Duy Tây vực, Hưng-lâm quốc, hảo cá cầm thành
Ná quốc vương Diệu-Trang-Vương Bà gia vi tính.
Hữu quốc mẫu Bá-Nha thị từ bi ái nhân.

. . . . . .

Đông chi ná Phật tề quốc, tây chi Thiên-chân,
Nam chi ná Tiêm-la quốc, vạn lý càn khôn »

Vậy nước Hưng Lâm đã ở xứ Tây-vực, thì núi Hương-sơn tất cũng ở nước Hưng-lâm. Xét từ kinh đô nước ấy đến núi chùa này,

vua Diêu Trang Vương chỉ đi mất có mấy ngày mà thôi. Chứng như câu này ở chương thứ mười :

¶ Nhất lộ thượng phiêu đãng đãng, di-lý nhi hành.
Hành sổ nhật, thanh bình an, hào vô trở đẳng.
Vọng Hương-Sơn thụy khí đằng, dị cảnh phi thường.»

Xét trong chính chuyện ở cuốn chân kinh này nhiều chỗ khác hẳn cuốn kinh nôm « Quan-Âm Phật-Bà » mà thiện nam tín nữ nước ta vẫn đọc xưa nay. Như chương đầu : không có đoạn vua Diệu-Trang đi cầu tự, không có đoạn tiền thân của ba vị Công-chúa. Mở đầu truyện kể ngay rằng : có một vị Từ-hàng tôn giả ở Đại-la thiên cung ngồi tòa sen, dùng tuệ-nhỡn thấy chúng sinh bên Đông-thổ tham danh vụ lợi, mê đắm tửu sắc, say sống mộng chết, làm nên bao nhiêu tội lỗi, lạc mãi vào sáu đường luân hồi, chuyển báo mãi không cùng. Vị tôn giả động từ-tâm, bi-niệm bèn tâu Giao-trì kim-mẫu Vô-cực thiên-tôn xin phép xuống trần thế bên Đông-thổ, hóa làm thân con gái, để độ tỉnh cho chúng sinh, nhất là phái nữ giới, rửa cho họ cái ách ngũ-trọc, siêu thoát họ lên đường bồ-đề giác lộ. Về nhân vật hai phò mã Hà Phượng, Triệu Khôi, không có đoạn nào nói tính nết xấu xa của hai vị ấy như ở trong kinh nôm. Đến đoạn Chúa Ba biến hình làm hòa thượng chữa thuốc cho Vương-phụ, Triệu Trấn vâng mệnh lên Hương-sơn cầu tay và mắt của Tiên-cô, thì trong chân kinh này chỉ nói sứ mệnh đi cầu có một lần, mà kinh nôm lại kể đi những hai lần. Có những đoạn vua và hai chúa bị yêu tinh giam cầm, cùng là đoạn Thiện Tài, Kim Cương xuống đấu phép với yêu tinh như ở bản nôm thì trong chân kinh không có. Bản kinh hán văn này chỉ kể đến chỗ vua Diệu Trang khỏi bệnh, hối lỗi, cùng quốc hậu với tùy tòng đi Hương-sơn hoàn nguyện, mới nhận ra Tiên-cô là Chúa Ba, rồi vua và hậu cùng tu ở đó với hai chàng rể, hai con gái lớn và ba vị quan tùy hành.

Cả một pho chân kinh chữ hán có nhiều đoạn thuyết pháp : như thuyết tâm - ấn thuyết đại-đạo, thuyết xuyền-cơ, thuyết tu-luyện. Lắm chỗ triết lý gần với đạo Khổng đạo Lão. Thấy lắm chỗ nêu lên hai chữ « tam giáo ». Tựa hồ như chúa Diệu Thiện mộ cả Nho giáo, Đạo giáo lẫn với Thích giáo. Xin dẫn chứng một câu đáp của Chúa Ba với hai vị lão-nhân gặp ở trên đường đi Hương sơn : « Các người sao không biết sự giàu sang như bông hoa, chớp mắt đã tàn tạ. Tram năm như giấc mộng, sống chết không bao giờ thôi. Sao không nhớ câu của Khổng Tử : « Buổi sớm nghe đạo, buổi tối chết được rồi. » (2). Coi vậy mà suy, chỉ cần đắc đạo để thấu rõ cái nghĩa sống chết, vượt thẳng Tam giới (3), tránh thoát được vòng luân-hồi, được hưởng mãi phúc trời, chẳng sinh và chẳng giệt. Thế tức là trường sinh. Chớ có phải thuyết có sắc có thân mà không chết được đâu ! Lão tử đã có nói : Ta mà có mối lo lớn, là vì ta có thân. Khi nào ta không có thân, thì ta còn có mối lo gì nữa ? (4) Lại xin dẫn một đoạn văn rất lý thú, đoạn Chúa Ba trả lời Đại Phò mã ở chương thứ mười một :

« Các người muốn cầu đạo lớn của Trời, phải nên bầy hoa quả cúng vái và phát thệ trước Phật, tôi sẽ truyền thụ cho. — Đại phò mã nói : Nếu bảo rằng đạo Phật không khác gì đạo Khổng, làm sao còn phải phát thề. Đức Khổng xưa đi chơi khắp liệt quốc, dạy dỗ ba nghìn học-trò và 72 người hiền, tôi chưa nghe thấy phải bắt ai phát thệ cả. — Chúa Ba đáp : Các người chỉ biết có một mà không biết hai. Trời nhân thấy dưới trần gian tâm tính chúng sinh không được như ngày xưa, nhân luân biến loạn, nên đặc sai một vị trong ngũ lão, giáng sinh chốn Đông-thổ, (tức là đức Khổng) để giáo hóa những kẻ ngu ngoan. Ngài dạy lấy tam cương, ngũ thường để ngăn ngừa lòng người.

(*Xem tiếp trang 16*)

1) Chùa này ở trên núi Phổ đà, là một quả núi ở trên 1 đảo ở vịnh Hàng châu (thuộc Triết-giang). Tục gọi là Nam-hải, là chốn ở của Phật giáo Trung quốc.

2) Triêu văn đạo, tịch tử khả hĩ

3) Dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

4) Ngô sở dĩ hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân, Cập ngô vô thân, ngô hưu hà hoạn.

Phòng thuốc
CHỮA PHỔI
chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Tél. 1630
Giờ mở cửa :
Sáng từ 8 đến 12 giờ.
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều
Đặc biệt : *Thứ ba, thứ sáu xem mạch, cho đơn không lấy tiền.*
Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hóa giao ngân. Và muốn hỏi bệnh gì, đính theo tem 0$06, sẽ được trả lời ngay.

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 70 *Ứng-hoè* NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa quí-sửu (1493) hiệu Hồng-đức thứ 24, đời vua Lê Thánh-tông (1460-1497), lấy 48 ông đỗ tiến-sĩ. Cũng như khoa trước, không thấy bia dựng ở Văn-miếu Hà-nội.

Ba ông đỗ đệ nhất giáp gọi là tiến-sĩ cập-đệ đệ nhất danh (trạng nguyên), tiến-sĩ cập-đệ đệ nhị danh (bảng-nhỡn) và tiến-sĩ cập-đệ đệ tam danh (thám-hoa).

Ông đỗ nhất danh, tức trạng-nguyên, là ông **Vũ-Dịch**, người làng Man-nhuế, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương, dòng-dõi Vũ-Hồn làm kinh lược-sứ đời Vũ-tông nhà Đường (hiệu Hội-xương thứ nhất). Năm ông **Vũ-Dịch** đỗ trạng-nguyên, ông mới có 22 tuổi (*Đỉnh-nguyên phật-lục*, sách viết của Trường Bác-cổ số A 1205, tờ 170, chép đỗ năm 24 tuổi) Khoa này đầu bài chế-sách hỏi về binh và tài. Từ thi hương đến thi hội thi đình, ông đều đỗ đầu: đời bấy giờ gọi là tam-nguyên; ứng chế hợp cách, được dự 28 ngôi sao trong Tao-đàn. Mùa đông năm ất-mão (1495), đang làm Hàn-lâm thị-thư, sung chức phó-sứ bộ cống sang Tàu. Làm quan đến Công-bộ thượng-thư, tước hầu (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 59 b; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 41 a). Có 10 bài thơ cận-thể còn chép trong bộ *Toàn-Việt thi-lục* (quyển 15, tờ 36 b-39 a, bản sao của Trường Bác-cổ số A 1262), nghĩa đầu bài dịch ra như sau này: 1, Tướng-sĩ nhớ nhà; 2, Động Lục-vân; 3, Người anh-tài; 4, Đạo làm vua; 5, Tiết làm tôi; 6, Pháp cung làm xong, cảm hứng thành thơ; 7, Xa nhớ người anh-hiền; 8, Khí lạ; 9, Làm đùa sau khi thảo xong bộ sách; 10, Người văn-nhân. Mười bài ấy đều họa vần thơ vua Lê Thánh-tông.

Ông đỗ bảng-nhỡn là ông **Ngô-Thầm**, người làng Tam-sơn, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc (tức Bắc-ninh). Lúc đầu bổ Hàn-lâm-viện thị-thư, được dự 28 ngôi sao trong Tao-đàn. Làm quan đến tả-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 31 a-b). *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 41 a), chép làm quan đến Hàn lâm-viện thị-thư. Sinh ra Ngô-miễn-Thiệu, đỗ trạng-nguyên năm 1518. Là ông nội Ngô-Diễn, đỗ tam giáp năm 1550, và Ngô-Dịch, đỗ tam giáp năm 1555, đời Mạc Phúc-Nguyên (1546-1561): ba đời nối nhau đỗ đại-khoa. Là em Ngô-Luân, đỗ tam-giáp năm 1475: hai anh em đồng triều. Có năm bài thơ cận-thể, họa vần thơ vua Lê Thánh-tông, hiện còn chép trong bộ *Toàn-Việt thi-lục* (quyển 15, tờ 39 a-41 b); đầu bài dịch ra như sau: 1, Pháp-cung làm xong, cảm hứng thành thơ; 2, Xa nhớ người anh hiền; 3 Khí lạ; 4, Thảo xong bộ sách làm đùa thành thơ; 5, Người văn-nhân.

Ông đỗ thám-hoa là ông **Lê-Hùng**, người làng Lạc-thực, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm 28 tuổi. Làm quan đến Đông-các. Là em Lê-Cấu, đỗ tam giáp năm 1481, tụng-tổ Lê-phan-Long, đỗ tam giáp năm 1592, đời Mạc Mậu-Hợp, 1562-1592 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 60 a; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 41 a).

Đến nhị giáp, thì ở chỗ số cộng, *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 41 a) chép là 23 ông; nhưng đến chỗ kê tên thì lại chỉ thấy có 22 ông. Xem số tổng-cộng của khoa này (1493) thì có 48 ông đỗ: trong số 48 ông, có ba ông nhất giáp vừa kể trên, 23 ông nhị giáp và 22 ông tam giáp, thì mới đủ số 48 ông đỗ. Hay là kể cả ông Nguyễn-Huyên đỗ bốn kỳ hội, nhưng không được dự đình-thí, vào số 48 ông đỗ chăng?

Hai-mươi-hai ông đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân, là những ông sau này:

1.— **Lại-đức-Do**, người làng Đáp-khê, huyện Chí-linh, phủ Nam sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm 34 tuổi (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 78 b, chép đỗ năm 24 tuổi). Làm quan đến chức Đề-hình giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 41 a).

2. — **Nguyễn-Thuấn**, người làng Xuân-áng, huyện Phượng-nhỡn (Yên-thế), phủ Bắc-hà, trấn Kinh bắc. Làm quan đến đô-cấp-sự-trung (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 41 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 77 a).

3. — **Nguyễn-Cung**, người làng Kiệt-thạch (hoặc Kệ-thạch), huyện Thiên-lộc, phủ Đức-quang tỉnh Nghệ-an. Đỗ năm 46 tuổi.

Làm quan đến thừa-chánh-sứ (thừa-tuyên) (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 41 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Nghệ-an, tờ 2 b).

4. — **Nguyễn-minh-Đạt**, người xã Phong-động, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến thượng-thư, tuỉ sĩ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 43 b).

5. — **Nguyễn-dũng-Nghĩa**, người làng Kim-đôi, huyện Vũ-ninh (Võ-giàng), phủ Từ-sơn trấn Kinh-bắc. Con Nguyễn-nhân-Bị, đỗ đồng tiến-sĩ năm 1466 và 1481. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 4 b-5 a).

6. — **Đỗ-Nhân**, sau đổi là **Đỗ-Nhạc**, người làng Lại-ốc, huyện Tế-giang (Văn giang), phủ Thuận-thành, trấn Kinh-bắc. Đỗ năm 21 tuổi. Lúc đầu bổ chức Hàn-lâm-viện hiệu-lý. Tháng giêng năm canh-thân 1500, hiệu Cảnh-thống thứ ba, đang làm chức Hàn-lâm-viện thị-thư, kiêm Tú-lâm-cục tỵ-huấn, thì sung chức phó-sứ sang nhà Minh tạ về việc sách phong và xin mũ-áo phẩm-phục cho vua Lê Hiến-tông, 1497-1504) (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 25, tờ 1 a-b). Năm 1502 đi sứ về, được thăng Đông-các hiệu-thư, rồi thăng Lễ-bộ hữu thị-lang. Năm bính-dần 1506 hiệu Đoan-khánh thứ hai, có tang mẹ xin nghỉ; đến khi khởi phục, lại làm chức cũ, kiêm Hàn-lâm thị-độc, tham chưởng viện-sự. Mùa hạ nam mậu-thìn 1508 hiệu Đoan-khánh thứ tư, thăng Hộ bộ tả thị-lang. Vì tránh tôn-hiệu Nhân hải, nên phải đổi tên là Nhạc. Được thăng ngự-sử-đài phó-đô-ngự-sử. Tháng 10 năm mậu-thìn 1508; nói việc nước, chạm ý vua Lê Uy mục (1504 1509) phải tội bỏ ngục, nhưng được tha ngay (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 25, tờ 29 a-b). Sau được thang phụng-trực đại-phu, kiêm Đông-các đại-học-sĩ, vào hầu tòa Kinh-đô, thự hàm thượng-thư. Mùa xuân năm nhâm-thân 1512, làm tán-lý quân-vụ, đi đánh giặc cỏ ở Sơn-tây và Hưng-hóa. Mùa hạ năm ấy, giặc Nghệ-an đến cướp Thanh-hoa: ông lại làm tán-lý đi dẹp được yên, dần dần thăng đến Hộ bộ thượng-thư. Mùa hạ năm bính-tý 1516, trong nước có loạn Trần-Cảo và Trịnh duy-Sản, nhưng sau quan quân lấy lại được kinh-thành, đón vua Lê Chiêu-tông về phục ngôi. Năm đinh-sửu 1517 hiệu Quang-thiệu thứ hai, ông Đỗ-Nhạc thăng Lại-bộ thượng-thư, kiêm chức quan như cũ. Mùa thu nam mậu-dần 1518 thăng đô-ngự-sử. Lúc bấy giờ, Mạc Đang Dung đã bắt đầu chuyên quyền, « cho rằng vua Lê Chiêu-tông ở Bồ-đề thì gần đất giặc, xin dời ra Bảo-châu (tức Tam bảo-châu, tục gọi Tứ-châu, hoặc Tứ-tổng, gần Hà-nội). Đô-ngự-sử là Đỗ-Nhạc, thiêm-ngự-sử là Nguyễn-Dự đều can: Mạc Đăng-Dung sai đồ-đảng là Đinh-Mông bắt Đỗ-Nhạc và Nguyễn-Dự giết ở phía ngoài cửa bắc hành-dinh Xuân-đỗ (tên làng thuộc Gia-lâm). Các quan đều sợ hãi, bèn rước vua đến ở Bảo-châu, từ bấy giờ những quyền lớn ở trong ngoài hết thảy về Mạc Đang-Dung » (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 26, tờ 40 b). Năm ấy (tức tháng 9 năm mậu-dần 1518 hiệu Quang-thiệu thứ ba đời vua Lê Chiêu-tông) ông Đỗ-Nhạc 45 tuổi. Vua Chiêu-tông khen là trung-thần sai quan đến điếu, tặng chức thiếu-bảo, tước Văn-trinh-bá, ban cho tên thụy là Văn-tiết. Ông Đỗ-Nhạc tên tự là Đôn-chính, tên hiệu là Nghĩa-sơn, có tập thơ vịnh sử. Sinh ra Đỗ-Tông (hoặc Tung), đỗ trạng-nguyên năm Minh-đức thứ ba (1529) đời Mạc Đăng-Dung, và Đỗ-Tấn, đỗ tam giáp năm Đại-chính thứ sáu (1535) đời Mạc Đăng-Doanh: cha con đều đỗ đại-khoa và đều được phong tiết-nghĩa. Ông Đỗ-Nhạc là ông ngoại Mai-trọng Hòa ở Quế-dương, đỗ nhị-giáp năm Vĩnh thọ thứ hai (1659) đời Lê Thần tông (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 94 a-95 b; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 41 b).

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tập sách Tết

XUÂN TÂY ĐÔ

— Bài vở đặc sắc

— Phụ bản ba màu in litho tuyệt đẹp.

XUÂN TÂY ĐÔ

Sẽ đem đến cho quí ngài một mùa xuân tươi thắm.

ĐẠI-NAM DẬT-SỬ

Số 17

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XII. — Có nhà Tiền-Lý không ?

Quyển *Việt-sử-lược* in trong bộ *Tứ-khố toàn-thư* bên Tàu, cũng có chép đến truyện Lý-Bôn và Lý Phật-tử (544 - 602), nhưng lại chép là Nguyễn-Bôn và Nguyễn Phật-tử. Nguyên quyển *Việt-sử lược* của người đời Trần soạn ra; theo quyển *An-nam chí lược* của Lê-Tắc, thì khi họ Trần (1225-1413) đã thay họ Lý (1009-1225) làm vua, phàm tôn-tộc họ Lý và người dân nào họ Lý đều phải đổi là Nguyễn cả, để cho không còn ai mong-mỏi gì họ Lý nữa.

Việt-sử-lược có chép một đoạn rằng : « Xưa người châu Giao là Nguyễn Bôn làm phản (đây là bắt-chước giọng người Tàu !), giữ thành Long-biên, tự xưng Nam-Việt-đế, đặt trăm quan, đổi niên-hiệu là Thiên-đức, tên nước là Vạn-xuân. Lương Vũ-đế cho Dương-Siếu làm Giao-châu thứ-sử, và Trần-bá-Tiên làm tư-mã, để sang đánh Bôn. Bôn đem ba vạn quân chống cự, bị thua ở Chu-diên, lại thua ở sông Tô-lịch. Bôn chạy vào thành Gia-ninh : Siếu đem quân tới vây. Bôn chạy vào trong đầm mán Tản-xương, lại đem hai vạn quân ra đóng ở hồ Điền-triệt, chế-tạo thuyền bè, thả đầy mặt hồ. Đêm ấy nước sông lên to, Bá Tiên đem quân bản-bộ theo dòng nước tiến lên trước, các quan đánh trống reo mà đi theo. Bôn không phòng-bị, nên thua to, lui giữ ở động Khuất-lão, bị bệnh mất. Dư-đảng sợ thế quân của Bá-Tiên, mới đem nhau tới hàng. »

Anh vua Lý-Bôn là Lý Thiên-Bảo (549-555) trước theo vua Lý-Bôn vào ở động Khuất-lão, đến tháng năm năm Thiên-đức thứ năm (548), cùng với Lý Phật-tử (571-602) đến vây châu Ái, nhưng cũng bị Trần-bá-Tiên đánh thua (*Đại-Việt sử-ký*), quyển 5, tờ 5 b).

Năm 549, Lý Thiên-Bảo giữ động Dã-năng, tự xưng là Đào-lang-vương. Năm trước thu nhặt quân còn sót chạy vào trong đầm mọi-rợ cõi Ai-lao, thấy động Dã-năng ở trên đầu nguồn sông Đào, đất rộng, béo tốt, có thể ở được, bèn đắp thành ở đó. Nhân tên đất, gọi nước là Dã-năng, quân-chúng tôn là Đào-lang-vương (chép theo *Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 6 b; bộ *Khâm-định Việt-sử*, quyển 4 tờ 9 a, chép truyện này vào năm Canh-ngọ, tức là năm 550).

Năm ất-hợi 555 là năm thứ 7 của Triệu Việt-vương, Lý Thiên-Bảo mất ở động Dã-năng, không có con nối, chúng bèn tôn Lý Phật-tử nối ngôi, thay giữ binh-quyền của Lý Thiên-Bảo (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 8 a-b).

Lý Phật-tử có con giai tên là Nhã-lang, hỏi con gái Triệu Việt-vương (Triệu Quang-Phục) tên là Kiều-nương. Việt-vương bằng lòng gả cho : hai bên thành thông-gia. Vì Việt-vương quá yêu con gái, cho nên cho Nhã-lang đến ở gửi rể. Nhưng Nhã-lang vẫn ngầm có chí khác, năm 570-571 cùng với cha là Lý Phật-tử đem quân đến đánh úp, cướp nước của Triệu Việt-vương (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 9 a-b ; *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 4, tờ 21 a ; *Khâm-định Việt-sử*, quyển 4, tờ 12 a-b).

Lý Phật-tử đã diệt được họ Triệu, lại xưng là Nam-đế, dời kinh-đô ở Ô-diên đến Phong-châu. Năm 602 (là năm thứ 32 của Lý Phật-tử ; về năm này mỗi quyển sử chữ nho chép một khác) vua nhà Tùy sai Dương-Tố sang xâm chiếm nước Nam.

Bộ *Đại-Việt sử-ký* (quyển 5, tờ 12 a) dẫn *Tùy-thư* chép rằng : « Tháng 11 năm ấy, Lý-Xuân ở Giao-chỉ tự xưng đại-đô-hộ, đánh phá châu huyện : vua nhà Tùy sai Việt-quốc-công là Dương-Tố sang đánh, dẹp được ». Bộ *Đại-Việt sử-ký* bàn rằng : « Xét ra Lý-Xuân tức là Lý Vạn-xuân, quốc-hiệu của Lý-Bôn : Lý Phật-tử noi theo. Đến đây đã 20 năm, mới sai Dương-Tố sang đánh, không đánh được phải trở về, cho nên sử Tàu kiêng, không chép rõ ; đến sau 12 năm nữa, mới sai Lưu-Phương sang đánh được, sử Tàu mới chép sự thực. »

Năm nhâm-tuất (602) là năm 47 của Lý Phật-tử (về năm này, các quyển sử chữ nho cũng không chép giống nhau), Lý Phật-tử sai con người anh là Lý-đại-Quyền giữ thành Long-biên, sai quan sứ khác là Lý-phổ-Đỉnh giữ thành Ô-diên.

Vua nhà Tùy hỏi Dương-Tố. Tố tiến thứ-sử châu Qua là Lưu-Phương (người Tràng-an, Kinh-triệu) có mưu-lược làm tướng-súy, ban chiếu cho Lưu-Phương làm Giao-chân đạo Hành-quân tổng-quản, thống lĩnh 27 doanh quân, sang xâm-chiếm nước Nam. Quân-lệnh rất nghiêm: hễ phạm thì chém ngay; nhưng Lưu-Phương tính nhân-ái, sĩ-tốt có tật-bệnh, thân hành đến tận nơi vỗ-về nuôi-nấng; vì thế sĩ-tốt sợ oai mà mến đức. Quân Lưu-Phương tiến đến núi Đô-long (*Thanh nhất thống chí* chép phủ Khánh-v ễn, đời Đường thuộc vào An-nam, có núi Đô long), gặp giặc cỏ đánh phá được, tiến quân đến trại của Lý Phật-tử, đem sự họa và sự phúc đến dụ trước. Lý Phật-tử sợ xin hàng, sang Tàu rồi mất. Người sau lập đền thờ ở cửa Tiêu-nha để đối diện với đền Triệu Việt-vương; *Đại Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 12 a-b; *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 4, tờ 22 a) (1).

Thế là rõ-ràng có đời Tiền-Lý.

Mấy quyển sử Tàu, như *Lương-thư* (2), *Trần-thư* (3), *Tùng-thư* (4), tuy không chép rõ truyện một đời Tiền-Lý (chữ nho gọi là một kỷ, tức là một dòng làm vua); nhưng chép về truyện Bà-Tiên Dương-Siếu, thì có chép qua về việc vua Lý-Bôn; còn những quyển sách Tàu khác, như *Tư-trị thông-giám* của Tư-mã-Quang, *Việt-kiều thư* của Lý-văn-Phượng, *An-nam chí nguyên* của Cao-hùng-Trưng, đều chép rõ việc vua Lý-Bôn và có chép cả tên Việt-vương và Lý Thiên-Bảo, Lý Phật-tử. Việt-vương là Triệu Quang-Phục; khi Lý-Bôn mất, thì Quang-Phục nối quyền giữ nước, một bên thì Lý Thiện-Bảo thu nhặt dư-đảng lập riêng một nước. Hết đời Quang Phục thì có Lý Phật-tử cũng thay quyền giữ nước. Vậy thì từ năm (541) vua Lý-Bôn giữ thành Long-biên đến đời Lý Phật-tử (602) trước sau hơn 60 năm. Ta có thể gọi là một « kỷ » nhà Tiền-Lý. Đã gọi là một kỷ, nên có ngày kỷ-niệm chung của quốc-dân vì vua Lý-Bôn là một trong những vua đầu tiên đã mở cờ độc-lập cho dân ta, mà là một vị anh-hùng giữ lấy giang-sơn đất nước.

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Khâm-định Việt-sử (*quyển 4, tờ 14 a chép rằng: « Quân Lưu-Phương đến núi Đô-long gặp quân Phật-tử hơn 2000 đánh phá được, tiến đến Phong-châu, sai người đem điều họa điều phúc đến dụ: Phật-tử sợ xin hàng Lưu-Phương đem Phật tử về Tàu, bắt được những người cựu tướng nào kiệt-hiệt, đều giết cả ».*

2) Lương-thư (*quyển 3, tờ 9-11*) *chép « năm Đại-đồng thứ 7, thổ-dân ở Giao châu là Lý Bôn đánh thứ sử là Tiêu-Tư .. Vua Lâm ấp phá Đức chân, đánh Lý Bôn, Bôn sai tướng võ là Phạm-Tư đánh vua Lâm-ấp ở Cửu-chân. Vua Lâm ấp thua chạy ..»*

3) Trần-thư (*quyển 1, tờ 1 b*) *chép: « Trước đây Tiêu-Tư làm thứ-sử Giao châu vì khắc bạc mất lòng dân; thổ nhân là Lý-Bôn liên kết hào kiệt vài chân, đồng thời làm phản » (!)*

4) Tùy-thư (*quyển 2, tờ 7 b*) *chép: « Năm nhân-thọ thứ hai, người Giao châu là Lý Phật-tử cất quân làm phản (!). Vua Tùy sai hành-quân tổng-quản là Lưu Phương sang đẹp ».*

Thống-chế Pétain đã nói:

« Chúng ta là một Quốc gia cổ hữu và hiền hách. Các người đừng lo sợ và cùng đến theo Bản chức. Rồi ra chúng ta sẽ tránh được cái đêm tối mà cuộc mạo hiểm ghê gớm đã dắt ta vào.

SÁCH GIÁ TRỊ

Siêu Hình Học
của Ng. đình Thi Giá 5$00

Phật Giáo Triết Học
của Phan văn Hùm (in lần thứ hai) Giá 3$50

Học Thuyết Freud
của Tô kiều Phương 2.50

Triết Học Einstein
của Ng. đình Thi 2.30

Thi Hào Tagore
của Ng. văn Hai 4.80

Triết Lý về Vũ-Trụ và Nhân-Sinh
của Phan Mật 2.30

Vàng Sao
của Chế lan Viên 2 50

Triết Học Descartes
của Ng. đình Thi 4.50

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblot — Hanoi

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Phap

1p·00 một ve

Về vấn-đề văn-học...

(*Tiếp theo trang 11*)

Sau ngài phải hỏi lễ Lão-Đam, được truyền thụ tâm pháp, mới về sửa lại năm kinh, để nối đạo trước mà mở đạo sau. Đạo vẫn giữ kín ở trong kinh Dịch, chưa dễ tiết lộ cho ai. Ba nghìn bảy chục học trò của ngài có mấy người đắc đạo đâu. Học trò là Tử cống đã phải thốt lên câu này: « Văn chương của thầy, tôi được nghe rồi. Còn như thuyết của thầy về tính và đạo Trời, tôi không được nghe! » (5) Phò mã nói: Tại làm sao thủa ấy đức Thánh ngài lại giữ kín đạo mà không truyền, hay là có tư ý gì chăng? — Công chúa nói: Không phải thế, đạo lớn của Trời không được thời, không tiết lộ ra; không được người, không truyền thụ cho ai. Cần phải vâng mệnh Trời mới truyền được. Có câu rằng: « Người quân tử có ba điều sợ sợ mệnh Trời, sợ bực đại nhân và sợ lời nói của thánh nhân. Chỉ có kẻ tiểu nhân không biết mệnh Trời, nên không sợ » — Phò mã nói: Chưa nghe thấy đức Thánh ngày xưa giạy người ta ăn chay bao giờ? — Công chúa nói: Chao ôi, Đức Thanh ngày xưa thay Trời làm việc dạy dỗ, cho nên bắt chước Trời Đất, lấy thiên hạ làm một nhà, tất cả người trong nước làm một người, muôn vật làm một thể. Cứ câu ấy mà suy ra, thì đều không có cái nghĩa thương sinh.— Phò mã nói: Thánh nhân đời xưa, soạn sách lập thuyết, đáng lẽ phải đinh ninh dặn lại đời sau phải kiêng sát sinh mới phải. — Công chúa nói: Kinh Lễ có câu rằng: Thiên-tử không có cớ gì, không bao giờ giết trâu; đại-phu không có cớ gì, không bao giờ giết dê; sĩ, thứ không có cớ gì, không bao giờ giết chó, lợn. (6). Thực là ngụ cái nghĩa giới sát ở trong đó. — Phò mã hỏi: tế Trời, Đất, cổ-thánh, vẫn sát sinh để mà tế. Vậy mà Trời, Đất, cổ thánh cũng cứ hưởng thụ. Sao người ta lại kiêng? Công chúa đáp: Càn, (Trời) gọi là đại sinh, Khôn (đất), gọi là quảng sinh. Trời đất thành ngôi rồi, muôn vật mới nảy nở. Người ta nhờ đó mà sống. Ơn sâu to tát như thế, người ta nát thân còn khó đền, cho nên sát sinh để báo đáp Trời Đất một chút đó. Còn như bực Thánh nhân, sẵn thông minh Trời cho, ngài đối với người ta, vừa nuôi lại vừa dạy, nhất thiết các phép tắc kinh doanh, có công với người đời bao nhiêu; đức ấy có thể sánh với Trời đất được, nên người đời cũng sát sinh mà tế vậy. Vả chăng, Trời đất và Thánh nhân, vẫn đem các sinh vật mà siêu độ cho chúng, có bao giờ hưởng thụ mà ăn chúng đâu! chẳng qua lấy cái nghĩa thành tính của người mà thôi vậy — Phò mã lại hỏi: Chưa nghe thấy Thánh nhân giảng đạo tu luyện bao giờ? — Công chúa đáp: Sách nho có nói: từ bực thiên tử cho đến kẻ thứ-nhân, hết thảy ai ai cũng lấy tu thân làm gốc. Và lại có câu: « Ăn cơm hầm, uống nước lã, gập cánh tay lại mà gối đầu: thú vui cũng ở trong ấy đó (7). Đấy là đạo tu luyện đấy. Thánh nhân cũng đã đem phép tắc huyền diệu, thầy thầy chép đủ; vì chưa gặp được kẻ chí-nhân chỉ bảo cho, nên khó lòng tỉnh ngộ »

Đây là đoạn văn nạn về đạo phật ở cuối cuốn chân kinh mà triết lý xem như hơi xa triết lý phật giáo. Song toàn pho kinh còn nhiều đoạn có giáo-lý, đầy dẫy những kinh điển, khiến cho độc giả phải suy nghĩ, phải vui vẻ, phải sinh lòng mến đạo. Không như cuốn kinh nôm cũ của ta, tầm thường thô thiển, làm chi có được những đoạn văn giầu đạo lý như thế kia, chỉ toàn kể truyện lịch-trình sự-biến của Chúa Ba một cách quê kệch mà thôi.

Tóm lại, cuốn kinh nôm này quyết không phải là dịch ở bản chân kinh này. Vì cuối kinh nôm có hai đạo sắc, mà kinh chữ này không có. Nhân thấy đạo sắc thứ nhất, trong có chữ « Nam-hải Phổ-đà » (8), lại thấy trong truyện có núi Hương-sơn, nên dịch giả tưởng lầm và biên lầm luôn thể:

« *Này trong bể nước Nam ta,*
« *Phả-môn có đức Phật Bà Quan-âm.* »

Và:

« *Đức Phật mới chỉ đường tu,*
« *Rằng có một chùa ở Hương-tích-sơn* (?). »

LIÊN-GIANG

---

5) Phu tử chi văn chương, khả đắc nhi văn dã. Phu tử chi ngôn tính dữ Thiên đạo bất khả đắc nhi văn dã

6) Thiên tử vô cố bất sát ngưu; đại phu vô cố bất sát dương; sĩ, thứ nhân vô cố bất sát khuyển thỉ.

7) Phạn sơ tự, ẩm thủy, khúc quăng nhi chẩm chi, lạc tại kỳ trung hĩ..

8) Xem ở mục chua (1)

3e édition : (adoptée)
Cent rédactions corrigées au Certificat
par Trần huy Cơ et Ng. huy Hoàng
Prix 1$50 — Port 0$12
Librairie Đông Tây, rue du Coton, Hanoi

Phải chăng mấy câu...?

(Tiếp theo trang 3)

Mấy câu ca-dao, tục-ngữ trên đây tuy có căn-cứ vào các sử sách, nhưng tựu-trung tôi vẫn không khỏi hoài-nghi trước câu « *Trời mưa nước chảy sông Đoài...* » Là vì bản *Trưng-vương sự tích* tuy không đề tên tác-giả và niên-đại làm sách, nhưng chắc là do ngòi bút người sau phụ-họa xuyên-tạc. Một chứng-cớ : Sử chép bà Trưng-Chắc cùng em là Trưng-Nhì dấy quân đánh châu-trị, đuổi thái-thú Tô-Định. Định chạy về Nam-hải (2). Thế mà trong cuốn *Sự tích* ấy chép hai bà giết chết Tô Định.

Còn như câu « *Cỏ trên đè lúa, cá trôi lềnh-đềnh* » thì có vẻ sấm-vĩ hoặc sau việc rồi do kẻ hiếu sự bày đặt ra.

Tang thương ngẫu lục, quyển dưới, tờ 56 a-58 a có chép một chuyện diễm-tình đã xảy giữa vua Lê Thánh-Tông (1460-1497) và người con gái câm cùng họ của Tế-văn hầu Nguyễn Trãi, sau được sách lập làm Trường-lạc hoàng hậu.

Rồi Tùng-Niên, người viết truyện ấy (truyện Thánh-Tông hoàng-đế) trong *T.T.N.L.* buộc luôn câu này là câu hát của người con gái ấy khi nhận rõ cái duyên túc-thế. bỗng hết câm, cất tiếng lanh lảnh, hát theo dịp phách du-dương ở trước Thánh-Tông ngự-tọa :

« *Hẹn nhau từ thuở Thiên-đình,*
Lòng nào nỡ phụ tâm tình thế du ! »

Nhưng nên nhớ rằng Tùng-Niên sinh năm 1768, cách sau đời vua Lê Thánh-Tông hàng ngót 300 năm, thì truyện diễm tình của vị anh-quan mà Tùng-Niên thuật đó cũng chỉ là được ở truyền văn, chứ đã lấy gì làm đủ bằng-chứng ?

Vả, một khi đã nói đến sự hẹn nhau ở Thiên-đình thì câu chuyện sa vào thần-thoại mất rồi, không phải là việc có thể bàn được ở địa-hạt chúng ta, hạng người trần mắt thịt.

***

Bạn Thanh Tuyền khi phê-bình cuốn *Việt-nam cổ văn-học sử*, có tỏ ý bất-đồng với tác-giả Đông-Chi ở chỗ dẫn lời ông Lê Dư và cho câu « *Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước thì thương nhau cùng* » là hai câu hát truyền từ đời Trưng-vương đến nay. Bình-giả viết : « *Kể ra nghe cũng « mát ruột » thiệt đấy. Nhưng cái câu hỏi « bằng cứ vào đâu » nó vẫn cứ ám ảnh trí phán đoán của người đọc ! Ông Lê Dư có chỉ cho ta bản sách* Thế-phổ *đời Trưng... Nhưng cuốn sách ấy viết từ bao giờ ? Mấy trăm năm sau lúc hai bà Trưng ra đời ? Và nếu như cuốn sách ấy mãi sau này mới ra đời, thì giá trị nó về phần lịch-sử đã là khả nghi lắm rồi ! Thì sao ta không nghĩ rằng chỉ mười bốn chữ của hai câu lục bát đó đã có những cụ-tượng và những quan-niệm trừu-tượng... mà chả biết là cách đây non hai nghìn năm dân ta đã lĩnh hội chưa ? Một câu ca-dao là một tác-phẩm vô danh lưu truyền trong đại chúng. Tự-liệu của mấy tác phẩm vô danh là những danh từ rất thông-thường trong giai-cấp xã hội của tác-giả. Ta có thể tin rằng hồi bấy giờ dân chúng nước ta mắt đã quen với những xa-xỉ phẩm như là nhiễu, như là gương.. hay không ? Trong sự ăn mặc, trong nghi-tiết tế-tự, văn-hóa đại-chúng nước ta hồi bây giờ đã đi đến trình-độ qui phái và đã thông dụng những phẩm-vật như nhiễu điều, giá gương hay chưa ? Như tám chữ sau trong câu bát thì không những đã đề khởi đến quan-niệm yêu giống yêu nòi mà thôi, mà lại còn bao hàm cả ý-nghĩa trừu-tượng của hai chữ Quốc-Gia nữa ! Chả biết rằng trong các bộ lạc dân Việt Nam hồi bây giờ, dân ta đã lĩnh-hội được những quan-niệm ấy hay chưa ? Ấy vẫn là một vấn-đề tồn-nghi, mà ý-kiến ông Lê cũng vẫn chỉ có giá trị một lời « đoán vậy » mà thôi.*

« *Vẫn biết rằng một nhà khảo cổ lúc đã có một ý nghĩa mới, lúc đã tìm ra một tài-liệu gì thì bỏ đi không đặt ! Nhưng nếu không có những chứng cớ rõ-rệt thì không nên đem những tài liệu ấy ra mà ứng dụng. Kể cũng đáng buồn cho công-phu tìm-tòi thiệt, nhưng biết làm sao ? Sự thực lắm lúc đến vô tình !* » (*Thanh Nghị* số 35, ngày 16 Avril 1943, trang 25).

Trích dẫn đoạn văn phê-bình ấy ra đây, tôi muốn tỏ ý tán-đồng cái phương-pháp của bạn Thanh Tuyền đã nêu ra để phê-phán những câu ca-dao nào có tính cách lịch-sử mà lắm khi người ta, vì thiên lệch đã nhìn chúng bằng cặp mắt chủ-quan hoặc vì nông-nổi đã gan ép chúng theo sự nhu-yếu của tình cảm.

HOA-BẰNG

(2) *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 2, tờ 10 a.*

ĐÔI LỜI THÊM VỀ BÀ CÔNG CHÚA AN-THƯỜNG

Số 2

Mãn-khánh DƯƠNG-K

Ai đau-khổ vì loạn-lạc bằng các người tôn-thất, hoàng-phái, nhất là khi người ấy lại là một bà công-chúa thông-minh, giàu tình-cảm như bà An-Thường. Vì vậy, thấy hết loạn, thái-bình đã đến, bà không khỏi lần tay tính rằng đã bảy năm nay mới cử hành lại được lễ Nam-giao. Khi tế, cúng Trời là theo phép xưa, và phối các vua trước với Trời là theo quy-củ sẵn. Vả lại, ở sân nhà vua, đã có các tôi hiền giúp việc cai-trị; còn trong cung làm thơ xướng hoạ là nhờ lượng bề trên. Bà An-Thường, đã già, nhơn ra vào hầu-hạ trong cung, mà lại được thấy uy-nghi nhà Hán, các ảnh thái-bình kể trên kia, thì thực là một điều may-mắn cho bà làm vậy.

Bà thơ ấy là tiếng reo-mừng thanh-thực của một người đàn-bà trong Hoàng-tộc, khi sắp chết được thấy họ mình, dù sao vẫn còn giữ được ngôi báu, sau khi trai biết bao cơn giông-tố, ngôi vàng ấy đã mấy lần nghiêng-ngửa vì chính-sách hai nhà độc-tài Huyết, Tưởng, và dưới sức mạnh của súng thần-công người Pháp.

Càng về già, công-chúa càng sùng-tín đạo Phật, dặn con cháu đến khi bà mất thì không được khóc, chỉ cho phép tụng kinh mà thôi.

Trước khi nhắm mắt, bà còn nói với dâu (vợ cụ Phan-văn-Huy) rằng: «Được «vô ngả» là nhờ nhẫn». (Vô ngả đắc thành ư nhẫn).

Công-chúa An-Thường, có cả thảy 5 người con trai, bốn người đều mất sớm, chỉ duy có một mình cụ Phan-văn-Huy là lớn, có con, cháu.

***

Bà công-chúa An-Thường không làm điều gì kinh thiên động địa, văn-chương trước tác chẳng được bao-lăm, nhưng sở-dĩ tôi nối lời cụ Ưng-Hoè mà nói thêm ít câu chuyện nữa, là vì thấy một cái gì cao quý, đáng thờ, đáng kính, trong đời người đàn-bà Việt-Nam (*bà An-Thường này là một*) âm-thầm hi-sinh cho gia-đình mình, một gia-đình oái-oăm thay. lại tổ-chức theo cách trọng nam khinh nữ.

Đạp thành, phá luỹ vì nước, xả thân, những cử chỉ ấy, đành rằng là oanh-liệt, nhưng không kém phần can-đảm đời của người đàn-bà Việt-nam, ngày kia sang ngày nọ, lặng lẽ hi-sinh cho cha mẹ, ông bà già, chồng con. Đời bà công-chúa An Thường cũng thế, cũng đúng như lời của cụ Phan-văn-Huy đã nói trong bài lệ ngôn: «Khi ở trong cung thì tận hiếu với cha mẹ, đến lúc hạ-giá, vợ chồng kính nhau như khách, thờ bà-già tận lễ, dạy con thì nghiêm, xử với người dưới thì lấy thứ, lo việc nhà thì kiệm-ước, đối với người ngoài thì nhơn».

Mãn khánh DƯƠNG-KỲ

Lời bàn thêm.— Nếu ai có tài-liệu về lịch sử hay văn-chương nước ta mà đều sẵn lòng cho đăng báo để góp thêm, thì việc khảo-cứu mới có cơ tiến-bộ được

Sở-dĩ tôi phải viết thêm mấy câu này là vì Mãn-khánh tiên-sinh không nói rõ bài *Bốn bà công-chúa* của tôi đang trong *Tri-tân*, số 113, ra ngày 23 Septembre 1943, là dịch ở *Đại-nam liệt-truyện*, chứ không phải tự tôi đặt ra. *Đại Nam liệt truyện* do sử thần chép, nên chỉ chép những việc lớn, và việc chính; còn như *Cai dư kỷ thực* là của người nhà chép, nên chép được những chuyện tỉ mỉ.

Dù sách nào cũng vậy, cũng có chỗ làm cho ta khó tin. Như chữ «đại vĩ dương nhũ nãi», nếu đúng chữ như thế, thì phải dịch là «sữa dê đuôi to», chứ không phải là «thịt vú cừu», vì người Tàu gọi loài cừu là «miên-dương», nghĩa là loài dê có thứ lông nhánh như bông (xem F.-M. Savina, *Guide linguistique de l'Indochine française*, quyển II, trang 764). «Đại vĩ» là đuôi to; thứ dê đuôi to, ta không có tên nôm, người Tàu thường gọi là con «tam-hùng». Còn chữ «nhũ» nghĩa là sữa, là vú, là mới sinh, v.v. (*Từ-nguyên*, quyển tí, trang 102); chữ «nãi» (đọc là nễ cũng được) nghĩa là sữa: cả hai chữ

« nhũ nãi » cũng chỉ gọi là sữa, chứ không gọi là « thịt vú » được ; nếu là thịt vú thì phải đặt chữ khác, đại - để như chữ « nhũ-phòng » chẳng hạn.

Nhưng *Đại-Nam liệt-truyện* (quyển 9, tờ 4 b) viết chữ « dương » trên chữ « vĩ » : « đại dương vĩ nhũ nãi », cho nên tôi dịch thoát nghĩa ra là « sâm », do chữ « dương bà nãi » của *Từ-nguyên* (quyển mùi, trang 112) dẫn nghĩa là tên riêng của sa-sâm. Vả lại, cứ theo như đoạn *Đại-Nam liệt-truyện* (quyển 9, tờ 5 a) ở chỗ bà chúa An - thường tâu vua Minh-mạng rằng : « Trộm nghe *vị* này rất bổ », chữ nho là « Thiết văn thử *vị* thậm bổ », thì không thể nào cắt nghĩa là « thịt » được : nếu thật là thịt thì phải chép là « thử nhục », chứ không chép là « thử *vị* ».

Còn chữ « đại dương vĩ nhũ nãi » của *Đại-Nam liệt-truyện*, nếu cắt nghĩa đen thì ba chữ trên là « đuôi dê to ». hai chữ dưới là « sữa » : « sữa đuôi dê » thì nghe sao được ? Cho nên tôi phải dựa vào chữ « dương bà nãi » mà cắt nghĩa là « sâm ».

Hoặc bàn cho rộng ra, thì ba chữ trên phải chữa theo *Cai-dư kỷ-thực* là « đại vĩ dương » và dịch là « dê đuôi to » ; còn chữ « nhũ nãi » thì dịch là « bánh sữa », vì chữ nho có danh-từ « nhũ lạc » : *Từ-nguyên* (quyển tí, trang 103) dẫn rằng : « Vi-Ức và Tôn-Hoằng cùng ở viện Hàn-lâm, vua Ý-tông ban cho thứ bánh bọc bạc, ăn rất ngon, làm toàn bằng chất béo trong sữa » (Ý-tông tứ ngân-bính bẩm, thực chi thậm mỹ, đai nhũ-lạc cao-sưu sở chế). Lại *Tống-sử chức-quan-chí* có đặt ra ty trâu dê và viện chế sữa (ngưu dương ty, nhũ lạc viện, chữ *Từ - nguyên*, quyển dậu, trang 259). Cứ như thế, thì từ đời Tống đã có thứ bánh sữa, Vậy nếu không cắt nghĩa là sâm, thì nên cắt nghĩa là bánh sữa, còn hơn cắt nghĩa là « thịt vú ».

Nhưng đằng nào cũng không xuôi cả, vì « ngậm » sữa, hoặc bánh sữa, hay « ngậm » thịt, về đến nhà, thì còn đâu là...chất « bổ » ? « Vị » sâm thì không thể, cho nên tôi theo chữ « dương bà nãi » là tên sa-sâm, lược-dịch chữ « đại dương vĩ nhũ nãi » của sử-thần na làm miếng sâm : vẫn biết là không được chắc, nhưng nghe còn thuận hơn.

Bài này đã gọi là bài bàn thêm, nên tôi dịch cả những bài thơ chữ Hán chép trên kia ; tuy nghĩa có khó, nhưng cũng có thể dịch tạm như sau này :

Bài thơ bói : Con thỏ ngọc, con quạ vàng, gặp nhau ở trên bể (thỏ ngọc là mặt trăng, quạ vàng là mặt trời : mặt trời mặt trăng gặp nhau là lúc tranh tối tranh sáng ; ý nói đời loạn). Mây theo rồng thì gió theo hổ (rồng có mây, hổ có gió, tức là gặp cơ-hội hay, lại có nghĩa bên nào cũng có phụ-tá bên ấy). Có nhiều hứng vui được trong khi buồn (ý nói trong việc xấu có điều tốt). Chớ đùa như lối cắt lá ngô-đồng phong làm vua (Thành-vương khi còn nhỏ nối ngôi vua, chú là Chu-công làm phụ-chánh. Một hôm, Thành-vương chơi với em, trong khi đùa bỡn, cắt lá ngô-đồng đưa cho em, nói rằng : « Ta phong cho em làm vua đất Đồng ». Chu-công muốn dạy vua Thành-vương nên người thành-thực, mới bảo rằng : « Vua không nên nói đùa » (Thiên-tử vô hí ngôn) ; cho nên vua Thành - vương phải phong thật cho em làm vua đất đồng).

Bài mừng tế giao : nguyên-vận của bà Nguyễn-nhược thị Bích : Mấy năm vắng (tế giao), phong tục đổi dời. Không họn mà sao lại được thấy thịnh điển ? Vua thiếu đế kính-cẩn làm rực-rỡ công-đức vua trước. Bầy-tôi hiền giúp-đập, noi theo phép cũ. Chợt thấy áo mũ nghiêm trang, thỏa lòng dân mong mỏi. Vừa nghe chuông trống, khiến người nghỉ-ngợi. Xua

Dạy học thuốc và chuyên chữa nội-khoa
theo thể-thức
ĐÔNG-PHƯƠNG
chỉ có :
Thượng-Đức
15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tin-nhiệm hoàn toàn

NHÀ GIỒNG RĂNG
Đỗ Ngọc-Giao
173 hàng Bông Lờ Hanoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng đắn, và làm cẩn thận hơn hết — Công việc, làm nhanh chóng và có bảo đảm.

nay lễ nhạc là gốc nước. Muốn nước thịnh-trị, nên dùng lễ-nghi nhà Hạ.

Bài họa vần của bà công chúa An-thường: Âm tiêu, dương thịnh, bóng mặt trời dần dần đi Bảy năm nay lại thấy tế giao. Tế thần trời, vua ta noi phép cũ. Sánh với trời, các vua đời trước có phép sẵn, Chốn phong-đình giúp-đập, nhờ bầy-tôi hiền. Nơi Tiêu-dịch họa vần xưng tụng, đội ơn trên nghĩ tới. May sao kẻ vi-thần được hầu gần-gụi. Tuổi về già lại được thấy uy-nghi nhà Hán.

Nhân-tiện, tôi cải-chính những chữ in nhầm in thiếu ở bài của tôi nói về bà An-thường (*Tri tân*, số 113, trang 5 và trang 8). Trang 5, cột 3: « phò-mã chết », thiếu chữ « bị bệnh ». Trang 8, cột 1: « gần đây bà tiếp-dư họ Nguyễn-nhược » chép là « lễ tân họ Nguyễn ». Bà Nguyễn-nhược thị-Bích làm ra quyển *Hạnh Thục ca*, đến năm Thành-thái thứ tư (1892) mới được tham lễ-tân (*Đại-Nam liệt truyện*, nhị tập, quyển 4, tờ 22 b); vậy khi làm bài thơ mừng tế giao, dịch trên kia, hãy còn là chức tiếp-dư. Còn như bây giờ thì phải gọi là « lễ-tân » mới đúng. Cũng trang 8, cột 1: « bà An-thường về giá hàm Thiền » (chữ phạm gọi là dhyâna); hai chữ « về già » in nhầm « là người »... Còn những chữ in sai lặt-vặt thì nhiều lắm, như « ngô hoàng tuần cổ-chế » in là « tuần cổ-chế » (trang 8, cột 1), « quán » in là « quan » (trang 8, cột 2), « khiêm-ức » in là « khiên ức » (trang 8, cột 2). Tôi chắc độc giả đã cải-chính cho rồi...

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Số Xuân Giáp-thân (1944) của Tri-Tân

sẽ ra nhằm ngày 15 Janvier 1944 (20 tháng chạp ta) tức là số sau 126-127;

sẽ dày hơn số thường;

sẽ có những bài hoặc khảo-cứu, hoặc nghị-luận, hoặc phê-bình, hoặc phỏng-vấn, viết rất công phu... của những cây bút đứng-đắn khắp ba kỳ, như:

Bà Lưu-Văn Lợi, bà Vân-Đài

Ứng-Hòe Nguyễn Văn-Tố, Đào-Duy-Anh, Hoa-Bằng, Cách Chi, Tiên-Đàm, Đan-Tâm, Dương-Kỳ, Trúc-Khê, Đặng Thái-Mai, Nhật-Nham, Lê-Văn-Ngôn, Phạm-Mạnh-Phan, Kiều-Thanh-Quế, Minh-Tuyền, Lê-Thanh. v.v.

Bìa vẽ, ấn-loát và trình-bày đều do mấy nhà họa-sĩ có tiếng trông coi.

TRI-TÂN

Tôn-giáo-ca Việt-nam...

(*Tiếp theo trang 7*)

Trên kia tôi có nói Khổng-giáo không đưa đến cho thơ Việt một thiên anh-hùng ca nào cả. Tôi muốn nói đạo Trung-dung, khí hạo-nhiên của Khổng-Mạnh đã không làm giàu cho văn-học ta những thiên « trường-ca dữ-dội » nhưng vẫn đem lại cho chúng ta bao điệu ca thanh đạm, sơ sài như cử chỉ nhà nho, mà đầy tráng khí.

Nếu hiểu anh-hùng ca như Boileau đã hiểu, nghĩa là một bài ca thuật lại một cốt truyện rất dài (5) có vẻ tiểu-thuyết, thì những *truyện ngâm* của chúng ta cũng có thể thuộc về loại nầy. Nhưng anh-hùng ca Âu-Tây — theo như tác giả *Art Poétique* — bắt buộc phải sống với những điều huyền-hoặc, những chuyện hoang-đường là linh-hồn của nó. Những truyện ngâm của ta không dùng đến thần-thoại, không ca-tụng tôn-giáo, không thể liệt vào hàng những anh-hùng ca (*épopees guerrières*), ái quốc ca (*épopées nationales*), tôn-giáo ca (*épopées religieuses*), đó chỉ là những quyển tiểu-thuyết làm bằng thơ, để bênh-vực, bảo tồn và tô-điểm cho một quan-niệm luân-lý. Nên tôi xin tự tiện mục cho những loại truyện ngâm ấy cái danh hiệu « *luân-lý ca* » (« *épopées morales* »).

Vì trong tất cả các *truyện ngâm* của chúng ta, từ *Nhị-độ mai* đến *Phan-Trần*, từ *Hoa-tiên* đến *Lục-vân-tiên*, sau khi dẫn người đọc qua bao sự ly-kỳ đặc màu tiểu-thuyết, thi-nhân cũng gián-tiếp dạy cho chúng ta một bài học: « *trung, hiếu, tiết, nghĩa* », bài học luân-lý bất di, bất dịch của cửa Khổng, sân Trình.

Lời thơ ý thơ của các loại truyện ngâm bao giờ cũng đứng đắn, lại giản dị, ai cũng có thể hiểu được. Lắm đoạn lại trong-trẻo, nhẹ-nhàng, tỏ ra một nghệ-thuật dễ-dàng, bình dị. Kho sách truyện ngâm của chúng ta rất phong-phú lại rất phổ-thông trong dân-chúng. Đó là một của báu riêng biệt của giống nòi ta, — mà nếu tôi không lầm, — rất ít dân-tộc khác đã có được.

Những quyển truyện in rất xấu, vẽ rất vụng, chỉ bán năm bảy xu một cuốn ở các đầu đường, góc phố kia, những loại sách mà có lẽ nhiều người rất khinh thường và có ý xem như những văn-chương « hạ-cấp » kia, tôi xin quả quyết rằng đó là quốc-hồn, quốc-túy của chúng ta. Những truyện ngâm đã nuôi sống trong tâm hồn người Việt cái bản tính lương-thiện của một dân-tộc văn-hiến, nền-nếp. Các thiên luân-lý-ca kia bị khinh-bạc, ấy là một dấu-hiệu đau-đớn của thời đại.

Nếu các loại ca hùng tráng dùng để khêu cao quốc hồn, nếu các loại ca tôn-giáo dùng để tán-dương quốc-giáo thì những luân-lý-ca có nhiệm-vụ thiêng-liêng: hướng dẫn và nâng cao quốc-thị.

***

Ảnh-hưởng Nho-giáo trong các truyện ngâm tuy nặng, nhưng ảnh-hưởng ấy không có cái địa-vị độc-tôn, cũng như thái-độ hoài nghi của phần đông người Việt không bao giờ cho họ say-mê mù quáng theo một lý tưởng. Cho nên trong những áng thi-ca của tông-đồ họ Khổng ấy, đó đây lại ngân lên những điệu đượm màu Phật giáo, Đạo giáo. Ông Tiều, ông Ngư trong *Lục vân tiên*:

« *Một mình thơ thẩn non tùng*
hôm mai »

Đều có thể tự phụ đã thoát khỏi vòng trần tục.

« *Nhân hây gió, đức nhuần mưa*
Vượn dâng quả cúng, chim đưa hoa mừng.
Đàn thông, phách suối vang-lừng,
Cá khe lắng kệ, chim rừng nghe kinh ».

Cảnh chùa trong *Phan Trần* thật đầy vẻ siêu thoát nơi cửa Phật.

Ở đây đời sống của vạn vật như ngưng-đọng lại để nhịp-nhàng theo tiếng kệ, giọng kinh. Mà mây nước cũng lặng lờ để trầm tư theo nhịp chuông, hồi mõ.

HOÀNG THIẾU SƠN

(5) . . dans le récit d'une vaste action . (*Art Poétique*)

ĐÃ CÓ BÁN:

BƯỚC ĐƯỜNG MỚI

Truyện dài tâm-lý
của Dương-Ngà giá 3$00

Người ta thường chê người Việt-nam sống không có mục-đích, không có lý-tưởng, cho nên đời sống nhạt-nhẽo, và buồn tẻ. — Sau khi đọc cuốn **Bước đường mới** của ông **Dương-Ngà**, các bạn sẽ tìm thấy ý-nghĩa của cuộc sống, sẽ biết sống vui, và thấy đời đẹp đẽ vô cùng. — Các bạn sẽ biết hy-sinh cho đồng loại, cho nghĩa-vụ, cho lý-tưởng.

PHIÊU-LƯU

Tức Hoa-Mai số 34
của Nam-Cao giá 0$20

Giấc mơ Phò-mã

Tức Hoa-Mai số 35
của Vị-Hồ giá 0$20

Nhà xuất bản Cộng-Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 13

CHU-THIÊN

Nghĩa-sĩ Vân-Côi lớn tiếng át mối lo nghĩ của quân-sĩ :

— Các anh không được nghĩ quẩn, Đại-vương đi đầu gặp ngay đà gió đương mạnh, nên mũ bay đi, thế là thường, chứ có gì lạ !

Đoàn Đông-hải vương đương mải nghĩ đến cách bài binh bố trận, để trừ-khử họ Trần, thấy Vân-Côi nói, lúc ấy mới rõ, liền nghiêm-nghị giơ cao thanh kiếm nói to rằng :

— Ai còn gieo mối nghi ngờ giữa lúc đại sự sắp thành, thì trông lưỡi kiếm ta này ! Lòng ta vững, chí ta cao, ý ta thành, thì còn điều gì thắng nổi ta nữa !

Ai nấy đều sợ hãi, lặng lẽ lên ngựa, không dám nói năng gì nữa và yên tâm trở lại mạnh bạo với câu nói khẳng-khái ấy của chủ-tướng

Đến ngày mồng một, đúng như sự quyết định hôm hội-họp dưới núi Phượng-hoàng, Đoàn Đông-hải đại-vương giao đại đội tiền quân hơn một vạn cho nghĩa-sĩ Vân-Côi chỉ-huy, giàn từ phía Đằng-châu lên đến Điêu-diêu. Hậu quân hơn một vạn người giao cho công-tử Hỏa-Đao giữ miền đông-nam, về liên tiếp với tiền-quân để cản quân giặc trên sông Hoàng-giang. Công-tử Đoàn-Van phải lưu lại giữ thành. Còn Đoàn-vương thân dẫn Trung-quân với công tử Thịnh-Nguyên đi đường thẳng đến Điêu-diêu chỉ huy mở lối sang đò cho quân vào phá thành Thăng-long.

Cắt cử xong, Tiền, hậu-quân đã dẫn đi rồi, Đông hải vương mới đốc suất trung quan lên đường. Ngài để cho Thịnh Nguyên đem đoàn quân tiên-phong đi trước. Ngài dặn-dò Đoàn công tử mấy câu, rồi dẫn đoàn quân hộ vệ theo sau, Ngài vừa ra đến ngoài thành, con ngựa tự nhiên lồng bí lên, quay trở lại Đội quân tùy tòng theo sau đều sợ xanh mắt. vì con ngựa ô của ngài vốn là một con ngựa nòi, ngày chạy nghìn dặm, xưa nay có hề cưỡng chủ bao giờ. Nhớ đến chuyện Tần Thủy-hoàng ngày trước sinh nghi-ngờ, mọi quân sĩ đi lục-lọi xem xét khắp cả quanh đấy, nhưng không thấy gì khác lạ cả. Đoàn vương thấy quân sĩ nhớn nhác, cũng nhìn quanh khắp một lược, rồi phất cờ lệnh cho quân lính nghiêm chỉnh lại hàng ngũ, rồi ngài rơ roi quật con ngựa qúy của ngài ba roi và truyền bảo như truyền bảo quân sĩ vậy :

— Mi không muốn ta thành công hay sao ta vừa xuất quân mi đã giở chứng ! Mi muốn yên thân, thì cứ việc quay về đi, ta không khiến !

Nhưng con ngựa không quay lại, nó cứ đi, bốn vó bước nhanh và đều, nhung không còn vẻ hung-hăng tự tin nữa. Đoàn-quân lại nghiêm chỉnh hùng-dũng tiến. Đến vùng Văn-giang, hậu quân chưa theo kịp tiền-quân, đang hăm-hở rảo cẳng bước đều, thì thình-lình một đạo quân khỏe mạnh mặc áo vàng, mang cờ lệnh thêu chữ « Trần », hăng-hái xông vào cắt đứt đoàn quân của Đông-hải vương ra làm đôi, không cho liên lạc với nhau. Đoàn quân này, cũng như Đông-hải vương, hết sức ra uy đánh chém được rất nhiều, nhưng bên địch liều chết thí mạng để cố giữ phần thắng.

Cuộc đánh nhau đang quyết liệt, thì thấy đoàn quân tiên phong của Thịnh-Nguyên đánh giật lùi Thịnh-Nguyên vội-vàng nhập bọn với Đoàn-vương, cố đánh tan quân giặc, dồn chúng được vào một phía. Nhưng ngay lúc ấy lại một đại-đội binh mã của quân-địch rầm-rộ kéo đến đánh phá vây, khí thế rất hăng. Quân của

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam. .	3$50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xử nóng. .	2 00
Khoa chữa phổi. . . .	1 00
Khoa chữa mắt. . . .	1 00
Khoa chữa tre con. . .	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyền lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi : *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc-long 22 Tientsin Hanoi.*

Đoàn Đông-hải vương thiệt hại mất nhiều. Ngài phải thu hẹp trận địa mà chống đỡ và lùi dần. Quân địch vẫn liều chết ba mặt dồn lại, tên bắn vè vè như mưa. Cuộc huyết chiến mỗi lúc một gay go thêm. Thây chết ngổn-ngang, máu chảy đỏ đất ngựa sổng chạy ngổn ngang. May sao lúc ấy đại quân của vua Chương-Võ tiến đến Điêu-diêu không gặp Đông-hải vương, biết có đại biến, bèn tràn xuống, cũng vừa tới nơi. Cuộc hỗn chiến lại trở nên dữ-dội hơn. Quân miền Bắc hợp sức với quân miền Đông bắn chém càng hăng hái, giết hại quân bên địch rất nhiều. Trên bãi chiến trường quân của Chương-Võ và Đông-hải đã chuyển bại thành thắng. Lại thêm đại quân của Vân-Côi tự đằng tây được tin, cũng rầm-rập kéo về, thế mạnh như mưa gió. Cuộc-đại-thắng có cơ cầm chắc trong tay.

Trong lúc đường cùng, bọn quân địch chạy thảo thân, một tên vỗ-kỵ liều chết sông nhảy vào ném dao phóng vào vai Đoàn. Đông-hải đại vương. Lanh-lẹn ngài né tránh ra bên và gạt ngay lưỡi dao lại giết chết tên kia. Một tên khác xông bổ vào sau lưng ngài và phóng luôn một lưỡi dao qua cổ ngài, một vị võ-quan sấn lại chỉ kịp đưa kiếm ngang lưng tên giặc, cái lưỡi đao kia đã trúng đà rồi không còn tài nào cứu vãn được nữa. Thế là tan một đời anh hùng trung-nghĩa. Thủ-cấp ngài vẫn còn dính nguyên trên mình, vẫn y nguyên nghiêm trỉnh ngồi trên mình ngựa, phóng về mãi đến thành Bần.

Trông thấy Đoàn-Văn, con ngựa kêu lên mấy tiếng thảm thiết rồi lồng lên đập đầu vào tường. Ngọc thể Đông-hải đại vương rơi xuống. Đoàn Văn ôm chầm lấy thây cha, khóc sướt-mướt rồi nằm vật ra bất tỉnh nhân sự.

Khi thấy mọi người lay chàng tỉnh dậy, thì ra chàng đã nằm trên giường bên linh cữu của phụ-vương, chung quanh có cả Vua Chương-Võ Vân-Côi, Hòa-Đao, Thịnh-Nguyên, cùng các văn võ bách quan của cả triều vua Chương-Võ Thấy chàng tỉnh, ngài yên ủi, rồi cười bảo :

— Con nên phấn chí báo thù cha, chứ bắt chước bọn nhi nữ thường tình, khóc lóc thương xót thế sao nên !

(Còn nữa)

CHU THIÊN

MỘT BỘ SÁCH :

Cổ nhất Đông-Phương !
lạ nhất nhân-loại !

Nguồn gốc chỉ là một cái gạch ngang, rồi qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang ấy diễn thành một pho sách cực kỳ hùng-vĩ. Đó là bộ :

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thấy tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên một vạn năm, mà mấy trăm học-giả phương Đông theo gót nhau nghiên-cứu và chú-giải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền-diệu, bao quát tất cả các lẽ trong vũ-trụ.

Các bài thơ và kinh có in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ giấy tên dưới 2000 trang in luôn một lúc đong làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng :

Hạng giấy thường	se bán từ	20$00
Hạng lụa Do	(đựng hộp bọc lụa)	50. 0
Hạng Bạch Minh châu	đựng hộp gấm)	150.00

Thêm cước gửi ngoài

Thư và ngân phiếu xin gửi về

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

HÀN-THUYÊN
71, Tiên-Tsin Hanoi
Giám Đốc
NGUYỄN XUÂN TAI

Sắp xuất bản

NGUYỄN CÔNG-TRỨ

khảo cứu của NGUYỄN BẠCH KHOA

tác giả NGUYỄN DU và TRUYỆN KIỀU

Tìm đò đến cỗi rễ xã hội của tất cả tâm lý, hành vi văn chương, sự nghiệp của Nguyễn công Trứ một tay kiệt hiệt tài kiêm văn võ có nhưng lời thơ vô cùng khẳng khái, ngạo ngàng

NGUYỄN CÔNG TRỨ và CHÍ NAM NHI

Nguyễn công Trứ và đảng Cập-Sĩ Phiệt, Nguyễn công Trứ và Chữ hiếu